VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ[1]

Quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán

Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 2 năm 2021 được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02 tháng 11 năm 2024.

---

[1] Văn bản này được hợp nhất từ 04 Thông tư sau:

- Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán.
- Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán (Sau đây gọi là Thông tư số 68/2024/TT-BTC).
- Thông tư số 14/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán và Thông tư số 58/2021/TT-BTC ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh (Sau đây gọi là Thông tư số 14/2025/TT-BTC).
- Thông tư số 18/2025/TT-BTC ngày 26 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính (Sau đây gọi là Thông tư số 18/2025/TT-BTC).

Văn bản hợp nhất này không thay thế 04 Thông tư nêu trên.

2. Thông tư số 14/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán và Thông tư số 58/2021/TT-BTC ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2025.

3. Thông tư số 18/2025/TT-BTC ngày 26 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 5 năm 2025.

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán.[2]

---

[2] Thông tư số 68/2024/TT-BTC có căn cứ ban hành như sau:

"*Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 14/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán."

- Thông tư số 14/2025/TT-BTC có căn cứ ban hành như sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

"Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Căn cước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 2 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán và Thông tư số 58/2021/TT-BTC ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh."

- Thông tư số 18/2025/TT-BTC có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính."

Thông tư này không điều chỉnh hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh, công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương.

2. Đối tượng áp dụng Thông tư này bao gồm:

a) Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

b) Công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, thành viên lưu ký, thành viên bù trừ, tổ chức mở tài khoản trực tiếp, ngân hàng thanh toán, tổ chức phát hành, công ty đại chúng;

c) Tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán;

d) Cơ quan, tổ chức và cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Chứng khoán chứng chỉ* là chứng khoán được phát hành dưới hình thức chứng chỉ vật chất. Thông tin về việc sở hữu hợp pháp của người sở hữu chứng khoán được ghi nhận trên chứng chỉ chứng khoán.

2. *Chứng khoán ghi sổ* là chứng khoán được phát hành dưới hình thức bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử. Thông tin về việc sở hữu hợp pháp của người sở hữu chứng khoán ghi sổ được ghi nhận trên sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán.

3. *Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán* là sổ ghi chép thông tin về người sở hữu chứng khoán do tổ chức phát hành, công ty đại chúng lập khi nộp hồ sơ đăng ký chứng khoán tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và sổ do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam lập khi quản lý chứng khoán đã đăng ký.

4. *Người sở hữu chứng khoán* là người có tên trên sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam lập khi quản lý chứng khoán đã đăng ký.

5. *Giấy chứng nhận sở hữu chứng khoán hoặc Sổ chứng nhận sở hữu chứng khoán* là văn bản do tổ chức phát hành, công ty đại chúng hoặc tổ chức được tổ chức phát hành, công ty đại chúng uỷ quyền cấp cho người sở hữu chứng khoán ghi sổ để xác nhận thông tin về việc sở hữu chứng khoán tại một thời điểm nhất định.

6. *Ngày đăng ký cuối cùng* là ngày Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam xác lập danh sách người sở hữu chứng khoán được hưởng quyền phù hợp với quy định của pháp luật.

7. *Bù trừ đa phương* là việc bù trừ chung giữa số tiền, chứng khoán được nhận và số tiền, chứng khoán phải trả cho các giao dịch chứng khoán có cùng chu kỳ, phương thức thanh toán thực hiện trên hệ thống giao dịch chứng khoán để xác định nghĩa vụ thanh toán ròng cho nhà đầu tư, thành viên bù trừ.

8.[3] Khu vực thị trường là các khu vực tách biệt trên hệ thống bù trừ, thanh toán, được thiết lập cho các chứng khoán có cùng chu kỳ, phương thức thanh toán, cơ chế quản lý rủi ro, thành viên của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, ngân hàng thanh toán tham gia vào hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán.

9. *Ký gửi chứng khoán* là việc đưa chứng khoán đã đăng ký tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam vào lưu giữ tập trung tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam để thực hiện giao dịch.

10. *Giấy tờ có giá* là các loại giấy tờ có giá theo quy định của pháp luật về ngân hàng được sử dụng trong các nghiệp vụ thị trường tiền tệ giữa Ngân hàng Nhà nước với các khách hàng lưu ký.

10a.[4] Thông tin nhận diện người sở hữu chứng khoán, nhà đầu tư là thông tin được xác định trên cơ sở số đăng ký sở hữu, ngày cấp số đăng ký sở hữu và loại hình của nhà đầu tư khi thành viên lưu ký, tổ chức phát hành, công ty đại chúng đăng ký thông tin nhà đầu tư trên hệ thống tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam. Số đăng ký sở hữu được quy định tại quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

10b.[5] Thông tin về người sở hữu chứng khoán là các thông tin bao gồm tên đầy đủ, thông tin nhận diện, thông tin liên lạc của người sở hữu chứng khoán, mã chứng khoán, số lượng chứng khoán, loại chứng khoán sở hữu và tài khoản lưu ký chứng khoán (nếu có).

11. *Hồ sơ, tài liệu hợp lệ* là hồ sơ, tài liệu có đầy đủ giấy tờ và có nội dung kê khai tại các giấy tờ đó đầy đủ theo quy định pháp luật.

Điều 2a. Nguyên tắc thực hiện[6]

---

[3] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 18/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 5 năm 2025.

[4] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 18/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 5 năm 2025.

[5] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 18/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 5 năm 2025.

[6] Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 18/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 5 năm 2025.

1. Việc gửi và nhận hồ sơ, tài liệu dưới dạng chứng từ điện tử đối với các hoạt động nghiệp vụ giữa Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp, tổ chức phát hành, công ty đại chúng được thực hiện theo các quy chế hoạt động nghiệp vụ của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam. Chứng từ điện tử sử dụng trong các hoạt động nghiệp vụ được quy định tại các quy chế hoạt động nghiệp vụ của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam có giá trị pháp lý như chứng từ được lập bằng bản giấy.

2. Khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng, thành viên của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam có trách nhiệm tuân thủ quy định tại Luật Chứng khoán, Thông tư này, pháp luật có liên quan và quy chế hoạt động nghiệp vụ của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ nhận từ khách hàng, thực hiện hoạt động nghiệp vụ chính xác, đảm bảo an toàn tài sản cho khách hàng, thành viên của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và lưu trữ hồ sơ, chứng từ của khách hàng.

Chương II
HOẠT ĐỘNG ĐĂNG KÝ CHỨNG KHOÁN

Điều 3. Đăng ký chứng khoán tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam

1. Loại chứng khoán và hình thức đăng ký chứng khoán tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam được quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều 149 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

2. Tổ chức phát hành, công ty đại chúng thực hiện đăng ký các thông tin sau với Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam:

a) Thông tin về tổ chức phát hành, công ty đại chúng;

b) Thông tin về chứng khoán của tổ chức phát hành, công ty đại chúng;

c) Thông tin về người sở hữu chứng khoán gồm: danh sách người sở hữu chứng khoán, loại chứng khoán, số lượng chứng khoán sở hữu và tài khoản lưu ký chứng khoán trong trường hợp người sở hữu chứng khoán có nhu cầu đăng ký chứng khoán đồng thời với lưu ký chứng khoán.

3. Tổ chức phát hành, công ty đại chúng đăng ký chứng khoán trực tiếp với Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam hoặc thông qua công ty

chứng khoán. Khi có thay đổi về thông tin đã đăng ký, tổ chức phát hành, công ty đại chúng phải thực hiện điều chỉnh thông tin với Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam. Tổ chức phát hành, công ty đại chúng phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ và kịp thời của các thông tin quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam ban hành quy chế về hoạt động đăng ký chứng khoán.

Điều 4. Cấp mã chứng khoán

1. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện cấp mã chứng khoán trong nước và mã số định danh chứng khoán quốc tế (mã ISIN) cho các loại chứng khoán, các loại cổ phần đăng ký tập trung tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2. Mã chứng khoán trong nước được sử dụng thống nhất khi đăng ký chứng khoán tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và niêm yết, đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán.

3. Mã số định danh chứng khoán quốc tế được sử dụng thống nhất cho chứng khoán phát hành tại Việt Nam để giao dịch và thanh toán tại thị trường chứng khoán Việt Nam và quốc tế.

4. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam ban hành quy chế về hoạt động cấp mã chứng khoán trong nước và mã số định danh chứng khoán quốc tế.

Điều 5. Quản lý thông tin chứng khoán đã đăng ký

1. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam quản lý tập trung toàn bộ thông tin tổ chức phát hành, công ty đại chúng đã đăng ký quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này.

2. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện quản lý thông tin, điều chỉnh thông tin chứng khoán đã đăng ký theo quy chế về hoạt động đăng ký chứng khoán.

Điều 6. Chuyển quyền sở hữu chứng khoán

1. Việc chuyển quyền sở hữu chứng khoán đã đăng ký tập trung tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện theo nguyên tắc sau:

a) Chuyển quyền sở hữu chứng khoán thông qua các giao dịch mua bán thực hiện qua hệ thống giao dịch chứng khoán;

b) Chuyển quyền sở hữu chứng khoán ngoài hệ thống giao dịch chứng khoán đối với các giao dịch không mang tính chất mua bán hoặc không thể thực hiện được qua hệ thống giao dịch chứng khoán.

2. Các trường hợp chuyển quyền sở hữu chứng khoán theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này bao gồm:

a) Tặng cho, thừa kế chứng khoán theo quy định của Bộ Luật Dân sự;

b) Giao dịch chứng khoán lô lẻ theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

c) Tổ chức phát hành, công ty đại chúng mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của công ty; tổ chức phát hành, công ty đại chúng mua lại cổ phiếu của cán bộ, công nhân viên được mua ưu đãi theo quy định pháp luật về cổ phần hóa; tổ chức phát hành, công ty đại chúng mua lại cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông, mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

d) Chuyển nhượng cổ phiếu của cổ đông sáng lập trong thời gian hạn chế chuyển nhượng;

đ) Nhà đầu tư uỷ thác chuyển quyền sở hữu chứng khoán của mình sang công ty quản lý quỹ trong trường hợp công ty quản lý quỹ nhận quản lý danh mục đầu tư uỷ thác bằng tài sản; công ty quản lý quỹ chuyển quyền sở hữu chứng khoán được uỷ thác sang nhà đầu tư uỷ thác trong trường hợp có thay đổi điều khoản tương ứng trong hợp đồng ủy thác đầu tư; công ty quản lý quỹ chuyển quyền sở hữu chứng khoán được uỷ thác sang nhà đầu tư uỷ thác hoặc công ty quản lý quỹ khác trong trường hợp chấm dứt hợp đồng quản lý danh mục đầu tư; công ty quản lý quỹ giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động hoàn trả nhà đầu tư uỷ thác tài sản hoặc chuyển danh mục tài sản sang công ty quản lý quỹ khác quản lý; chuyển quyền sở hữu giữa các công ty quản lý quỹ quản lý tài sản của cùng một nhà đầu tư ủy thác theo yêu cầu của nhà đầu tư đó;

e) Chuyển quyền sở hữu theo bản án, quyết định của tòa án, quyết định của trọng tài hoặc quyết định của cơ quan thi hành án;

g) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp; góp vốn bằng cổ phần vào doanh nghiệp; tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập; giải thể doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo quy định pháp luật;

h) Chào mua công khai; chuyển nhượng vốn nhà nước, doanh nghiệp nhà nước đầu tư tại tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch theo phương thức đấu giá, chào

bán cạnh tranh, dựng sổ theo quy định của pháp luật; chuyển quyền sở hữu do cổ đông của công ty đại chúng chào bán chứng khoán ra công chúng thông qua hình thức đấu giá qua Sở giao dịch chứng khoán;

i) Chuyển quyền sở hữu chứng khoán cơ cấu, chứng chỉ quỹ trong giao dịch hoán đổi với quỹ hoán đổi danh mục; chuyển quyền sở hữu chứng khoán phục vụ phát hành hoặc hủy chứng chỉ lưu ký trong giao dịch giữa nhà đầu tư và tổ chức phát hành chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài;

k) Chuyển quyền sở hữu giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ theo đề nghị của Ngân hàng Nhà nước; chuyển quyền sở hữu trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ;

l) Chuyển quyền sở hữu trong hoạt động vay và cho vay chứng khoán theo quy định tại Điều 40 Thông tư này gồm chuyển quyền sở hữu chứng khoán từ bên cho vay sang bên vay và ngược lại hoặc chuyển quyền sở hữu tài sản bảo đảm là chứng khoán từ bên vay chứng khoán sang bên cho vay chứng khoán trong trường hợp bên vay bị mất khả năng hoàn trả khoản vay; chuyển quyền sở hữu chứng khoán để xử lý trường hợp mất khả năng thanh toán giao dịch chứng khoán;

m)[7] Chuyển quyền sở hữu chứng khoán là tài sản bảo đảm, quyền phát sinh từ tài sản bảo đảm này (nếu có) theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 40g, Điều 40l Thông tư này;

n) Chuyển nhượng cổ phiếu ưu đãi không bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Luật Doanh nghiệp; chuyển quyền sở hữu chứng khoán do phân chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình;

o) Chuyển quyền sở hữu chứng khoán cơ sở để thực hiện chứng quyền có bảo đảm, hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ theo phương thức chuyển giao chứng khoán cơ sở;

p) Chuyển quyền sở hữu chứng khoán khi thực hiện chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể quỹ đầu tư chứng khoán; thành lập, tăng vốn điều lệ công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ; tăng, giảm vốn điều lệ quỹ thành viên; chuyển quyền sở hữu chứng khoán khi quỹ trả bằng chứng khoán trong hoạt động mua bán lại của quỹ mở;

q) Chuyển quyền sở hữu cổ phiếu giữa các nhà đầu tư nước ngoài với nhau trong trường hợp đã đạt mức tối đa về tỷ lệ sở hữu nước ngoài đối với cổ phiếu đó

[7] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 18/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 5 năm 2025.

và mức giá thỏa thuận giữa các bên cao hơn giá trần của cổ phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán tại thời điểm thực hiện giao dịch;

q1)[8] (được bãi bỏ)

q2)[9] Chuyển quyền sở hữu cổ phiếu, quyền phát sinh từ số cổ phiếu này (nếu có) từ tài khoản của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức đặt lệnh mua cổ phiếu không yêu cầu có đủ tiền khi đặt lệnh sang tài khoản tự doanh của công ty chứng khoán nơi nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức đặt lệnh theo quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 40k Thông tư này.

r) Các trường hợp chuyển quyền sở hữu chứng khoán khác sau khi có ý kiến chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

3. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét chấp thuận các trường hợp chuyển quyền sở hữu chứng khoán quy định tại điểm r khoản 2 Điều này căn cứ trên một số hoặc toàn bộ các tài liệu sau:

a) Công văn đề nghị chuyển quyền sở hữu chứng khoán ngoài hệ thống giao dịch chứng khoán;

b) Hợp đồng giao dịch hoặc giấy tờ thỏa thuận giữa các bên;

c) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ sở hữu doanh nghiệp của các bên chuyển quyền sở hữu (đối với tổ chức trong nước) thông qua việc chuyển quyền sở hữu chứng khoán theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

d) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông công ty đại chúng, Ban đại diện quỹ đóng thông qua việc không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai theo quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 35 Luật Chứng khoán;

đ) Công văn nêu ý kiến của tổ chức phát hành chứng khoán được chuyển quyền sở hữu về việc chuyển quyền sở hữu chứng khoán giữa các nhà đầu tư nêu trong hồ sơ;

e) Văn bản xác nhận của thành viên lưu ký (trường hợp chứng khoán đã lưu ký) hoặc tổ chức phát hành, công ty đại chúng (trường hợp chứng khoán chưa lưu

---

[8] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 3 của Thông tư số 18/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 5 năm 2025.

(Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 68/2024/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 11 năm 2024).

[9] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 18/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 5 năm 2025.

ký) về số lượng chứng khoán chuyển quyền sở hữu mà các bên chuyển quyền sở hữu hiện đang sở hữu;

g) Văn bản của cơ quan quản lý chuyên ngành có ý kiến về việc chuyển quyền sở hữu chứng khoán của tổ chức phát hành, công ty đại chúng hoạt động trong lĩnh vực mà pháp luật chuyên ngành quy định phải có ý kiến;

h)[10] Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc các giấy tờ tương đương của các bên chuyển quyền sở hữu là tổ chức;

i) Giấy chứng nhận đăng ký mã số giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam cấp;

k) Giấy ủy quyền hoặc tài liệu chứng minh thẩm quyền ký kết hợp đồng giao dịch;

l) Văn bản của các bên chuyển quyền sở hữu làm rõ các nội dung liên quan đến việc công bố thông tin, chào mua công khai, thanh toán không dùng tiền mặt, nguồn vốn đảm bảo thanh toán và các nội dung khác theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

4. Các tài liệu quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành 01 bộ hồ sơ gốc bằng tiếng Việt và được nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Trường hợp các tài liệu trong hồ sơ là bản sao thì phải là bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc bản sao đã được đối chiếu khớp đúng với bản chính. Tài liệu được lập bằng tiếng nước ngoài phải được gửi kèm bản dịch chứng thực sang tiếng Việt bởi cơ quan có thẩm quyền; những tài liệu do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp hoặc xác nhận phải được hợp pháp hóa lãnh sự.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có văn bản gửi yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ (nếu có). Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, tài liệu hợp lệ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phải trả lời bằng văn bản về việc chấp thuận hoặc từ chối chuyển quyền sở hữu chứng khoán.

5. Bên chuyển quyền sở hữu chứng khoán phải thực hiện lưu ký chứng khoán trước khi thực hiện chuyển quyền sở hữu đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này trừ các trường hợp sau:

---

[10] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 14/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2025.

a) Bên chuyển quyền sở hữu chứng khoán bị mất tích, chết, định cư ở nước ngoài không liên lạc được;

b) Tổ chức phát hành, công ty đại chúng mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của công ty; tổ chức phát hành, công ty đại chúng mua lại cổ phiếu của cán bộ, công nhân viên được mua ưu đãi theo quy định pháp luật về cổ phần hóa;

c) Chuyển quyền sở hữu theo bản án, quyết định của tòa án, quyết định của trọng tài hoặc quyết định của cơ quan thi hành án;

d) Chuyển quyền sở hữu do tổ chức lại, giải thể doanh nghiệp, giải thể hộ kinh doanh mà bên chuyển quyền sở hữu không còn tồn tại do đã hoàn tất các thủ tục tổ chức lại, giải thể doanh nghiệp, giải thể hộ kinh doanh;

đ) Các trường hợp khác sau khi có ý kiến chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

6. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam ban hành quy chế về hoạt động chuyển quyền sở hữu chứng khoán.

Điều 7. Huỷ đăng ký chứng khoán

1. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam huỷ đăng ký chứng khoán trong các trường hợp sau:

a) Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu doanh nghiệp, chứng quyền có bảo đảm đến thời gian đáo hạn;

b) Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu doanh nghiệp được tổ chức phát hành mua lại trước thời gian đáo hạn;

c) Tổ chức phát hành thực hiện giảm vốn, giải thể, phá sản hoặc bị chấm dứt tồn tại do tổ chức lại doanh nghiệp;

d) Tổ chức phát hành hoán đổi cổ phiếu, công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu doanh nghiệp;

đ) Cổ phiếu của doanh nghiệp cổ phần hóa không phải là công ty đại chúng bị hủy niêm yết, hủy đăng ký giao dịch và doanh nghiệp có yêu cầu hủy đăng ký chứng khoán;

e) Chứng chỉ quỹ đầu tư, chứng quyền có bảo đảm hủy niêm yết;

g) Quỹ hoán đổi danh mục giải thể;

h) Chứng khoán của các công ty đại chúng đã đăng ký tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam nhưng không còn đáp ứng điều kiện là công ty đại chúng và công ty có yêu cầu huỷ đăng ký;

i) Tổ chức phát hành, công ty đại chúng đăng ký chứng khoán theo thỏa thuận với Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam tự nguyện huỷ đăng ký chứng khoán;

k) Hủy đăng ký số công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương do nhà tạo lập thị trường, nhà đầu tư không thanh toán tiền mua; hủy công cụ nợ của Chính phủ do đáo hạn hợp đồng đảm bảo thanh khoản giữa Kho bạc Nhà nước và nhà tạo lập thị trường, nhà đầu tư.

l)[11] Tổ chức phát hành chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi trước thời gian đáo hạn.

2. Việc huỷ đăng ký chứng khoán thực hiện theo quy chế về hoạt động đăng ký chứng khoán.

Điều 8. Thực hiện quyền của người sở hữu chứng khoán

1. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam lập danh sách người sở hữu chứng khoán tại ngày đăng ký cuối cùng, tính toán và phân bổ quyền mà người sở hữu chứng khoán được nhận theo quy định của pháp luật trên cơ sở các tài liệu dưới đây:

a) Văn bản thông báo của tổ chức phát hành, công ty đại chúng hoặc tổ chức, cá nhân có thẩm quyền theo quy định của pháp luật liên quan;

b) Ủy quyền của tổ chức phát hành, công ty đại chúng cho Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam được thay mặt tổ chức phát hành, công ty đại chúng thực hiện các dịch vụ liên quan cho chứng khoán đăng ký tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam đã nêu tại Hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam với tổ chức phát hành, công ty đại chúng.

2. Tổ chức phát hành, công ty đại chúng, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp chỉ được sử dụng danh sách người sở hữu chứng khoán do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp vào mục đích đã nêu trong văn bản thông báo

[11] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 18/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 5 năm 2025.

quy định tại điểm a khoản 1 Điều này và chịu mọi trách nhiệm nếu sử dụng sai mục đích hoặc làm lộ bí mật thông tin.

3.[12] Người sở hữu chứng khoán đã lưu ký nhận quyền, lợi ích được phân bổ thông qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và các thành viên lưu ký nơi người sở hữu chứng khoán mở tài khoản lưu ký chứng khoán ngoại trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác và nhận phần lẻ cổ phần phát sinh (nếu có) tại tổ chức phát hành, công ty đại chúng hoặc tổ chức được tổ chức phát hành, công ty đại chúng ủy quyền. Người sở hữu chứng khoán chưa lưu ký nhận quyền, lợi ích được phân bổ tại tổ chức phát hành, công ty đại chúng hoặc tổ chức được tổ chức phát hành, công ty đại chúng ủy quyền.

4. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, thành viên lưu ký chịu trách nhiệm thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán đã đăng ký, lưu ký tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, chịu trách nhiệm về các thiệt hại gây ra cho người sở hữu chứng khoán do không tuân thủ đúng các quy định về thực hiện quyền tại Thông tư này và quy chế hoạt động nghiệp vụ của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trong phạm vi trách nhiệm của mình.

5. Việc lập danh sách, cung cấp danh sách và tổ chức thực hiện quyền của người sở hữu chứng khoán được thực hiện trên cơ sở ủy quyền của tổ chức phát hành, công ty đại chúng và quy chế về hoạt động thực hiện quyền của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Điều 9. Trách nhiệm của tổ chức phát hành, công ty đại chúng có chứng khoán đăng ký

1. Tuân thủ quy định của pháp luật và các quy chế hoạt động nghiệp vụ có liên quan của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2. Ký hợp đồng cung cấp dịch vụ với Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam theo quy định tại Điều 10 Thông tư này.

3. Cung cấp kịp thời và chính xác cho Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thông tin hoặc các tài liệu cần thiết để thực hiện việc đăng ký chứng khoán và thực hiện quyền theo quy định hoặc khi Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam có yêu cầu bằng văn bản để làm rõ các thông tin hoặc tài liệu nêu trên; chịu trách nhiệm về thông tin, tài liệu đã cung cấp với Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

---

[12] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 18/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 5 năm 2025.

4. Chịu trách nhiệm về các thiệt hại gây ra cho Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và người sở hữu chứng khoán khi không thực hiện đúng quy định của pháp luật và quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, trừ trường hợp bất khả kháng.

5. Nộp tiền dịch vụ cho Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam theo quy định của Bộ Tài chính.

6. Trách nhiệm khác theo quy định pháp luật và quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Điều 10. Hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam với tổ chức phát hành, công ty đại chúng

1. Hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam với tổ chức phát hành, công ty đại chúng gồm những nội dung chính sau:

a) Dịch vụ tổ chức phát hành, công ty đại chúng uỷ quyền cho Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện (dịch vụ quản lý thông tin về chứng khoán đã đăng ký tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, dịch vụ xác nhận chuyển quyền sở hữu chứng khoán cho người sở hữu chứng khoán, dịch vụ thực hiện quyền của người sở hữu chứng khoán, dịch vụ khác phát sinh theo thỏa thuận của hai bên);

b) Quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, tổ chức phát hành, công ty đại chúng;

c) Giải quyết tranh chấp;

d) Chấm dứt hợp đồng;

đ) Thu tiền cung cấp dịch vụ.

2. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam ban hành mẫu hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam với tổ chức phát hành, công ty đại chúng.

Chương III
HOẠT ĐỘNG LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN

Điều 11. Đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán

1. Điều kiện, hồ sơ, thủ tục đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán của công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam thực hiện theo quy định tại Điều 57, Điều 58, Điều 59 Luật Chứng khoán.

Giấy đề nghị đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán và bản thuyết minh về cơ sở vật chất, kỹ thuật bảo đảm thực hiện hoạt động lưu ký chứng khoán theo mẫu quy định tại Phụ lục I và Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán, công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại được ủy quyền cho chi nhánh thực hiện hoạt động lưu ký chứng khoán. Công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại phải đảm bảo chi nhánh của mình đáp ứng cơ sở vật chất, kỹ thuật thực hiện hoạt động lưu ký chứng khoán.

3. Công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại có trách nhiệm báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc ủy quyền cho chi nhánh thực hiện hoạt động lưu ký chứng khoán kèm theo thuyết minh về cơ sở vật chất kỹ thuật đảm bảo thực hiện hoạt động lưu ký chứng khoán tại chi nhánh theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo theo quy định tại khoản 3 Điều này, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo bằng văn bản đến công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại về việc đã nhận được báo cáo ủy quyền cho chi nhánh thực hiện hoạt động lưu ký chứng khoán.

5. Trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định tại khoản 4 Điều này, công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại phải đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán, tiến hành hoạt động lưu ký chứng khoán cho chi nhánh theo quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam. Sau thời hạn này, nếu công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại không đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán, tiến hành hoạt động lưu ký chứng khoán cho chi nhánh thì phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Điều 12. Chấm dứt hoạt động lưu ký chứng khoán của chi nhánh công ty chứng khoán, chi nhánh ngân hàng thương mại

1. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam chấm dứt hoạt động lưu ký chứng khoán của chi nhánh công ty chứng khoán, chi nhánh ngân hàng thương mại trong các trường hợp sau:

a) Công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán;

b) Công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại tự nguyện chấm dứt hoạt động lưu ký chứng khoán tại chi nhánh;

c) Chi nhánh công ty chứng khoán, chi nhánh ngân hàng thương mại chấm dứt hoạt động;

d) Cơ sở vật chất, kỹ thuật của chi nhánh không đảm bảo để thực hiện hoạt động lưu ký chứng khoán theo thông báo của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. Việc chấm dứt hoạt động lưu ký chứng khoán của chi nhánh công ty chứng khoán, chi nhánh ngân hàng thương mại thực hiện theo quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Điều 13. Nguyên tắc lưu ký chứng khoán[13]

1. Hoạt động lưu ký chứng khoán tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam bao gồm: mở và quản lý tài khoản lưu ký chứng khoán, ký gửi chứng khoán, rút chứng khoán, chuyển khoản chứng khoán lưu ký ngoài hệ thống giao dịch chứng khoán, phong tỏa và giải tỏa chứng khoán.

2. Thành viên lưu ký thực hiện hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định tại khoản 1 Điều này cho khách hàng tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam theo nguyên tắc: khách hàng thực hiện hoạt động lưu ký chứng khoán tại thành viên lưu ký và thành viên lưu ký thực hiện hoạt động lưu ký chứng khoán cho khách hàng tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

3. Khách hàng ký hợp đồng mở tài khoản lưu ký chứng khoán với thành viên lưu ký để thực hiện hoạt động lưu ký chứng khoán. Sau khi mở tài khoản lưu ký theo quy định, khách hàng gửi hồ sơ yêu cầu thực hiện hoạt động lưu ký chứng khoán đến thành viên lưu ký. Thành viên lưu ký kiểm tra, đánh giá và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin về người sở hữu chứng khoán, tính phù hợp của yêu cầu thực hiện hoạt động lưu ký chứng khoán của khách hàng với quy định tại Thông tư này trước khi gửi hồ sơ đề nghị thực hiện các hoạt động lưu ký chứng khoán đến Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

4. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện hoạt động lưu ký chứng khoán theo đề nghị của thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp sau khi thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp mở tài khoản lưu ký chứng khoán đứng tên thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện hoạt động lưu ký chứng khoán sau khi thông tin về người sở hữu chứng khoán trong hồ sơ do thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp, tổ chức phát hành, công ty đại chúng cung cấp trùng khớp với các thông tin trên hệ thống tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

---

[13] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 18/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 5 năm 2025.

Điều 14. Mở tài khoản lưu ký chứng khoán

1. Thành viên lưu ký phải mở tài khoản lưu ký chứng khoán tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam để thực hiện các giao dịch đối với chứng khoán của thành viên đó. Mỗi thành viên lưu ký chỉ được mở 01 tài khoản lưu ký chứng khoán tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và không được mở tài khoản lưu ký chứng khoán tại thành viên lưu ký khác, trừ các trường hợp sau:

a) Thành viên lưu ký mở tài khoản lưu ký chứng khoán tại thành viên lập quỹ để thực hiện các giao dịch liên quan đến quỹ hoán đổi danh mục;

b) Thành viên lưu ký là công ty chứng khoán đã chấm dứt tư cách thành viên tại Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam được phép mở tài khoản lưu ký chứng khoán tại các thành viên lưu ký khác để xử lý số chứng khoán còn lại trên tài khoản tự doanh;

c) Thành viên lưu ký không phải là thành viên bù trừ mở tài khoản lưu ký chứng khoán tại thành viên bù trừ để phục vụ cho mục đích quản lý tài sản ký quỹ bù trừ và thực hiện thanh toán giao dịch chứng khoán cho thành viên lưu ký;

d) Thành viên lưu ký là công ty chứng khoán phát hành chứng quyền có bảo đảm mở thêm 01 tài khoản lưu ký chứng khoán tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam để thực hiện hoạt động phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm;

đ) Thành viên lưu ký là nhà tạo lập thị trường mở thêm 01 tài khoản lưu ký chứng khoán tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam để thực hiện hoạt động tạo lập thị trường.

2. Tổ chức mở tài khoản trực tiếp được phép mở tài khoản lưu ký chứng khoán tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

3. Mở tài khoản lưu ký chứng khoán đối với nhà đầu tư, tổ chức phát hành chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài:

a) Tại mỗi thành viên lưu ký, nhà đầu tư, tổ chức phát hành chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài chỉ được mở 01 tài khoản lưu ký chứng khoán;

b) Nhà đầu tư nước ngoài mở tài khoản lưu ký chứng khoán theo quy định của pháp luật có liên quan;

c) Tổ chức phát hành chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài được mở tài khoản lưu ký chứng khoán sau khi được cấp mã số giao dịch chứng khoán.

4. Mỗi quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán chỉ được mở 01 tài khoản lưu ký chứng khoán tại 01 ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát duy nhất theo quy định của pháp luật có liên quan.

5. Công ty quản lý quỹ phải mở tài khoản lưu ký chứng khoán tách biệt cho công ty và cho từng quỹ đầu tư chứng khoán do công ty quản lý. Trường hợp thực hiện quản lý danh mục đầu tư, tại mỗi ngân hàng lưu ký, công ty quản lý quỹ được mở 02 tài khoản lưu ký chứng khoán đứng tên công ty quản lý quỹ thay mặt cho nhà đầu tư ủy thác (01 tài khoản lưu ký chứng khoán cho khách hàng uỷ thác trong nước và 01 tài khoản lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư uỷ thác nước ngoài).

6. Chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam được mở 02 tài khoản lưu ký chứng khoán tại thành viên lưu ký trong đó 01 tài khoản lưu ký chứng khoán cho chính mình và 01 tài khoản lưu ký chứng khoán để quản lý danh mục đầu tư cho nhà đầu tư nước ngoài.

7. Công ty chứng khoán nước ngoài được mở 02 tài khoản lưu ký chứng khoán tách biệt tại thành viên lưu ký trong đó 01 tài khoản lưu ký chứng khoán cho chính mình và 01 tài khoản lưu ký chứng khoán cho khách hàng của công ty.

8. Doanh nghiệp bảo hiểm được mở 02 tài khoản lưu ký chứng khoán để quản lý tách biệt các khoản đầu tư từ nguồn vốn chủ sở hữu và từ nguồn phí bảo hiểm khi thực hiện đầu tư trên thị trường chứng khoán. Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, chứng khoán lưu ký trên tài khoản lưu ký chứng khoán từ nguồn vốn chủ sở hữu chịu sự điều chỉnh bởi quy định pháp luật về sở hữu nước ngoài trên thị trường chứng khoán.

9. Quỹ đầu tư nước ngoài, tổ chức đầu tư nước ngoài được quản lý bởi nhiều công ty quản lý quỹ, tổ chức đầu tư thuộc chính phủ nước ngoài hoặc tổ chức đầu tư, tài chính thuộc tổ chức tài chính quốc tế mà Việt Nam là thành viên được mở nhiều tài khoản lưu ký chứng khoán theo nguyên tắc cứ mỗi mã số giao dịch chứng khoán được cấp thì được mở 01 tài khoản lưu ký chứng khoán tại ngân hàng lưu ký.

10. Trường hợp ngân hàng lưu ký nơi nhà đầu tư mở tài khoản lưu ký chứng khoán không phải là thành viên bù trừ, nhà đầu tư phải mở tài khoản lưu ký chứng khoán tại thành viên bù trừ để phục vụ cho mục đích quản lý tài sản ký quỹ bù trừ và thực hiện thanh toán giao dịch chứng khoán.

10a.[14] Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam được mở tài khoản lưu ký chứng khoán đứng tên mình để xử lý chứng khoán ký quỹ bù trừ, chứng

[14] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 18/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 5 năm 2025.

khoản là tài sản bảo đảm cho các khoản tiền mà Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam đã sử dụng để hỗ trợ, đảm bảo thanh toán giao dịch chứng khoán và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

11. Việc mở tài khoản lưu ký chứng khoán tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam được thực hiện theo quy chế về hoạt động lưu ký chứng khoán của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Điều 15. Tài khoản lưu ký chứng khoán của thành viên lưu ký và tổ chức mở tài khoản trực tiếp tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam

1. Để đáp ứng yêu cầu quản lý của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, tài khoản lưu ký chứng khoán của thành viên lưu ký và tổ chức mở tài khoản trực tiếp tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam bao gồm:

a) Tài khoản chứng khoán giao dịch;

b) Tài khoản chứng khoán tạm ngừng giao dịch;

c) Tài khoản chứng khoán dùng cho các giao dịch bảo đảm;

d) Tài khoản chứng khoán phong tỏa, tạm giữ;

đ) Tài khoản chứng khoán chờ thanh toán;

e) Tài khoản chứng khoán chờ về;

g) Tài khoản chứng khoán chờ cho vay;

h) Tài khoản chứng khoán thế chấp cho khoản vay chứng khoán tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

i) Tài khoản ký quỹ bù trừ trong trường hợp thành viên lưu ký đồng thời là thành viên bù trừ của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

k) Các tài khoản khác theo quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2. Tài khoản lưu ký chứng khoán của thành viên lưu ký nêu tại khoản 1 Điều này được phân loại như sau:

a) Tài khoản của chính thành viên lưu ký;

b) Tài khoản cho khách hàng trong nước của thành viên lưu ký;

c) Tài khoản cho khách hàng nước ngoài của thành viên lưu ký.

3. Tài khoản lưu ký chứng khoán của thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam bao gồm các nội dung sau đây:

a) Số tài khoản lưu ký chứng khoán;

b) Tên và địa chỉ của thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp;

c) Số lượng, loại và mã chứng khoán lưu ký;

d) Số lượng chứng khoán tăng, giảm và lý do của việc tăng, giảm;

đ) Các thông tin cần thiết khác.

Điều 16. Quản lý tài khoản lưu ký chứng khoán tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam

1. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam quản lý tài khoản lưu ký chứng khoán theo nguyên tắc sau:

a) Chứng khoán lưu ký tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam là tài sản thuộc sở hữu của khách hàng, được quản lý tách biệt với tài sản của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

b) Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam chỉ được sử dụng chứng khoán của khách hàng trong các trường hợp quy định tại các điểm h, i, k, l, m khoản 1 Điều 156 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

2.[15] (được bãi bỏ)

3. Tổng số dư trên các tài khoản lưu ký chứng khoán của khách hàng mở tại thành viên lưu ký phải luôn khớp với số dư các tài khoản lưu ký chứng khoán của thành viên lưu ký mở tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam. Số dư chi tiết trên tài khoản lưu ký chứng khoán của từng khách hàng tại thành viên lưu ký phải khớp với số liệu sở hữu của khách hàng đó tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

4. Khi có bất kỳ sự thay đổi hay sai sót nào về thông tin tài khoản lưu ký chứng khoán, thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp có nghĩa vụ báo cáo và điều chỉnh ngay với Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam. Việc điều chỉnh thông tin tài khoản lưu ký chứng khoán thực hiện theo quy chế về hoạt động lưu ký của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Khi phát hiện sai sót thông tin trong tài khoản lưu ký chứng khoán của thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp hoặc khách hàng của thành viên lưu ký, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam phải thông báo ngay cho

---

[15] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 12 Điều 1 của Thông tư số 18/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 5 năm 2025.

thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp và các tổ chức này có trách nhiệm điều chỉnh cho phù hợp.

Điều 17. Tài khoản lưu ký chứng khoán của khách hàng tại thành viên lưu ký

1. Để đáp ứng yêu cầu quản lý của thành viên lưu ký, tài khoản lưu ký chứng khoán của khách hàng mở tại thành viên lưu ký bao gồm:

a) Tài khoản chứng khoán giao dịch;

b) Tài khoản chứng khoán tạm ngừng giao dịch;

c) Tài khoản chứng khoán dùng cho các giao dịch bảo đảm;

d) Tài khoản chứng khoán phong toả, tạm giữ;

đ) Tài khoản chứng khoán chờ thanh toán;

e) Tài khoản chứng khoán chờ về;

g) Tài khoản chứng khoán chờ cho vay;

h) Tài khoản chứng khoán thế chấp cho khoản vay chứng khoán tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

i) Tài khoản ký quỹ bù trừ trong trường hợp thành viên lưu ký đồng thời là thành viên bù trừ của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

k) Các tài khoản khác theo quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2. Tài khoản lưu ký chứng khoán của khách hàng mở tại thành viên lưu ký bao gồm các nội dung sau:

a) Số tài khoản lưu ký chứng khoán;

b) Tên và địa chỉ liên lạc của khách hàng là chủ tài khoản;

c)[16] Số định danh cá nhân đối với khách hàng cá nhân là công dân Việt Nam, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam; số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy tờ có giá trị tương đương đối với khách hàng là tổ chức trong nước; số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký mã số giao dịch chứng khoán đối với khách hàng là nhà đầu tư nước ngoài;

d) Số lượng, loại và mã chứng khoán lưu ký;

đ) Số lượng chứng khoán lưu ký tăng, giảm và lý do của việc tăng, giảm;

---

[16] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 14/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2025.

e) Các thông tin cần thiết khác.

3. Đối với hoạt động quản lý danh mục đầu tư của công ty quản lý quỹ thì tài khoản lưu ký chứng khoán tại ngân hàng lưu ký phải có đầy đủ thông tin về khách hàng ủy thác theo quy định tại các điểm b, c, d, đ và e khoản 2 Điều này.

Điều 18. Quản lý tài khoản lưu ký chứng khoán tại thành viên lưu ký

1. Thành viên lưu ký phải quản lý các tài khoản lưu ký chứng khoán của khách hàng theo nguyên tắc sau:

a) Thành viên lưu ký phải mở tài khoản lưu ký chứng khoán chi tiết cho từng khách hàng và quản lý tách biệt tài sản cho từng khách hàng;

b) Chứng khoán lưu ký của khách hàng tại thành viên lưu ký là tài sản thuộc sở hữu của khách hàng và được quản lý tách biệt với tài sản của thành viên lưu ký;

c) Thành viên lưu ký chỉ được sử dụng chứng khoán trong tài khoản lưu ký chứng khoán của khách hàng trong các trường hợp sau:

- Thành viên lưu ký là công ty chứng khoán xử lý chứng khoán trên tài khoản của khách hàng trong giao dịch ký quỹ phù hợp với quy định của pháp luật hoặc xử lý chứng khoán trên tài khoản của khách hàng phù hợp với cam kết, thỏa thuận của khách hàng với thành viên lưu ký hoặc với tổ chức, cá nhân khác hoặc xử lý chứng khoán trên tài khoản của khách hàng phù hợp với chỉ định hoặc ủy quyền bằng văn bản của khách hàng;

- Thành viên lưu ký là thành viên bù trừ xử lý chứng khoán trong tài khoản ký quỹ bù trừ của khách hàng để đảm bảo khả năng thanh toán giao dịch chứng khoán, hoàn trả các nguồn hỗ trợ đã sử dụng và bù đắp thiệt hại tài chính trong trường hợp khách hàng đó mất khả năng thanh toán giao dịch chứng khoán;

d) Thành viên lưu ký có trách nhiệm thông báo kịp thời và đầy đủ các quyền lợi phát sinh liên quan đến chứng khoán lưu ký cho khách hàng;

đ) Thành viên lưu ký có trách nhiệm cập nhật hàng ngày thông tin mở, đóng tài khoản lưu ký chứng khoán của khách hàng tại thành viên lưu ký cho Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và thực hiện đối chiếu thông tin số dư tài khoản lưu ký chứng khoán của từng khách hàng với số liệu sở hữu chứng khoán của khách hàng tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trên cơ sở các số liệu về sở hữu chứng khoán của khách hàng mà Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp cho thành viên lưu ký. Việc cập nhật thông tin tài khoản và đối chiếu số dư thực hiện theo quy chế về hoạt động lưu ký của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2. Theo yêu cầu của khách hàng, thành viên lưu ký phải gửi cho từng khách hàng bản sao kê tài khoản lưu ký chứng khoán trong thời hạn đã thỏa thuận với khách hàng; trường hợp không có thỏa thuận về thời hạn, thành viên lưu ký phải gửi cho khách hàng bản sao kê tài khoản lưu ký chứng khoán sau 01 ngày làm việc kể từ ngày khách hàng yêu cầu.

3. Khách hàng có nghĩa vụ thông báo ngay cho thành viên lưu ký khi có bất kỳ sự thay đổi hay sai sót nào về thông tin tài khoản lưu ký chứng khoán của khách hàng tại thành viên lưu ký.

Điều 19. Hiệu lực lưu ký chứng khoán

1. Việc lưu ký chứng khoán tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam có hiệu lực kể từ thời điểm Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện hạch toán trên tài khoản lưu ký chứng khoán của thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp mở tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2. Việc hạch toán, chuyển khoản chứng khoán bằng bút toán ghi sổ giữa các tài khoản lưu ký chứng khoán của thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp hoặc khách hàng lưu ký tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam có hiệu lực pháp lý như đối với chuyển giao chứng khoán chứng chỉ và được pháp luật thừa nhận.

Điều 20. Ký gửi chứng khoán

1. Việc ký gửi chứng khoán trừ công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương của khách hàng tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam được thực hiện theo nguyên tắc sau:

a) Khách hàng ký gửi chứng khoán vào Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thông qua thành viên lưu ký nơi khách hàng đó mở tài khoản lưu ký chứng khoán;

b) Thành viên lưu ký có trách nhiệm làm thủ tục nhận chứng khoán ký gửi của khách hàng và tái ký gửi vào Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của khách hàng;

c) Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam có trách nhiệm xử lý hồ sơ ký gửi chứng khoán trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của thành viên lưu ký.

2. Thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp, khách hàng ký gửi chứng khoán không hợp lệ, chứng khoán giả mạo, bị thông báo mất cắp hoặc không có đủ

thông tin theo yêu cầu phải chịu trách nhiệm về việc ký gửi số chứng khoán này và phải bồi thường cho các bên liên quan thiệt hại do việc lưu ký chứng khoán đó gây ra.

3.[17] Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện ký gửi chứng khoán cho người sở hữu chứng khoán theo đề nghị của tổ chức phát hành, công ty đại chúng (đại diện cho người sở hữu chứng khoán) và thành viên lưu ký nơi người sở hữu chứng khoán mở tài khoản lưu ký chứng khoán.

4. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện hạch toán chứng khoán vào tài khoản lưu ký chứng khoán của thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp hoặc khách hàng của thành viên lưu ký có liên quan trong các trường hợp ký gửi công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương và ký gửi cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đăng ký bổ sung phát sinh từ các chứng khoán đã lưu ký tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Việc ký gửi chứng khoán thực hiện theo quy chế về hoạt động lưu ký chứng khoán của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Điều 21. Rút chứng khoán

1. Rút chứng khoán theo yêu cầu của khách hàng:

a) Khách hàng chỉ được yêu cầu rút chứng khoán trong phạm vi số lượng chứng khoán sở hữu trên các tài khoản lưu ký chứng khoán, trừ các chứng khoán đang bị tạm giữ, phong toả, ký quỹ bù trừ;

b) Thành viên lưu ký phải chuyển cho Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam hồ sơ rút chứng khoán trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của khách hàng;

c) Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam có trách nhiệm xử lý hồ sơ rút chứng khoán trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của thành viên lưu ký;

d) Thông tin sở hữu chứng khoán của nhà đầu tư rút chứng khoán lưu ký được ghi nhận vào danh sách người sở hữu chứng khoán chưa lưu ký;

đ) Tổ chức phát hành có trách nhiệm cấp lại giấy chứng nhận sở hữu chứng khoán hoặc sổ chứng nhận sở hữu chứng khoán cho người sở hữu chứng khoán đã rút chứng khoán trong trường hợp tổ chức phát hành có cấp giấy chứng nhận sở hữu chứng khoán hoặc sổ chứng nhận sở hữu chứng khoán.

---

[17] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Thông tư số 18/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 5 năm 2025.

2.[18] Việc rút chứng khoán do huỷ đăng ký chứng khoán hoặc điều chỉnh giảm số lượng chứng khoán đăng ký được Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam tự động hạch toán giảm số lượng chứng khoán lưu ký trên tài khoản lưu ký chứng khoán của thành viên lưu ký sau khi hoàn tất việc hủy đăng ký chứng khoán hoặc điều chỉnh giảm số lượng chứng khoán đăng ký tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

3. Việc rút chứng khoán đã lưu ký tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam được thực hiện theo quy chế về hoạt động lưu ký chứng khoán của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Điều 22. Chuyển khoản chứng khoán

1. Việc chuyển khoản chứng khoán để thanh toán các giao dịch chứng khoán thực hiện thông qua hệ thống giao dịch chứng khoán được thực hiện theo quy định về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán.

2. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện *chuyển khoản chứng khoán và quyền phát sinh kèm theo (nếu có)[19]* lưu ký ngoài hệ thống giao dịch chứng khoán và không gắn với chuyển quyền sở hữu chứng khoán trong các trường hợp sau:

a) Khách hàng *chuyển khoản chứng khoán và quyền phát sinh kèm theo (nếu có)[20]* từ tài khoản lưu ký chứng khoán của khách hàng tại thành viên lưu ký này sang tài khoản lưu ký chứng khoán, tài khoản ký quỹ bù trừ của chính khách hàng tại thành viên lưu ký khác;

b) Chuyển khoản giấy tờ có giá giữa các tài khoản lưu ký chứng khoán của cùng nhà đầu tư phục vụ giao dịch trên thị trường tiền tệ;

c) *Chuyển khoản chứng khoán và quyền phát sinh kèm theo (nếu có)[21]* để thực hiện hoạt động phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm của công ty chứng khoán phát hành chứng quyền có bảo đảm; *chuyển khoản chứng khoán và quyền*

---

[18] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Thông tư số 18/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 5 năm 2025.

[19] Cụm từ "chuyển khoản chứng khoán" được thay thế bởi cụm từ "chuyển khoản chứng khoán và quyền phát sinh kèm theo (nếu có)" theo quy định tại khoản 11 Điều 1 của Thông tư số 18/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 5 năm 2025.

[20] Cụm từ "chuyển khoản chứng khoán" được thay thế bởi cụm từ "chuyển khoản chứng khoán và quyền phát sinh kèm theo (nếu có)" theo quy định tại khoản 11 Điều 1 của Thông tư số 18/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 5 năm 2025.

[21] Cụm từ "chuyển khoản chứng khoán" được thay thế bởi cụm từ "chuyển khoản chứng khoán và quyền phát sinh kèm theo (nếu có)" theo quy định tại khoản 11 Điều 1 của Thông tư số 18/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 5 năm 2025.

phát sinh kèm theo (nếu có)[22] để thực hiện hoạt động tạo lập thị trường của nhà tạo lập thị trường;

d) *Chuyển khoản chứng khoán và quyền phát sinh kèm theo (nếu có)*[23] do chuyển danh mục đầu tư giữa các tài khoản lưu ký chứng khoán của cùng một nhà đầu tư theo yêu cầu của nhà đầu tư đó;

đ) *Chuyển khoản chứng khoán và quyền phát sinh kèm theo (nếu có)*[24] do thay đổi thông tin về loại chứng khoán, điều chỉnh sai sót về số lượng chứng khoán sở hữu, thay đổi đại diện sở hữu vốn nhà nước; *chuyển khoản chứng khoán và quyền phát sinh kèm theo (nếu có)*[25] do thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài hoặc thay đổi quốc tịch dẫn tới thay đổi từ nhà đầu tư trong nước thành nhà đầu tư nước ngoài và ngược lại;

e) Chuyển khoản khi thành viên lưu ký nơi khách hàng đang mở tài khoản bị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán, rút nghiệp vụ môi giới chứng khoán hoặc bị Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thu hồi Giấy chứng nhận thành viên lưu ký; chuyển khoản khi thành viên bù trừ bị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán;

g) Khi tổ chức mở tài khoản trực tiếp chấm dứt hợp đồng cung cấp dịch vụ với Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

h) Tổ chức mở tài khoản trực tiếp *chuyển khoản chứng khoán và quyền phát sinh kèm theo (nếu có)*[26] từ tài khoản lưu ký chứng khoán của chính mình tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam sang tài khoản lưu ký chứng khoán, tài khoản ký quỹ bù trừ của tổ chức mở tài khoản trực tiếp tại thành viên lưu ký và ngược lại.

---

[22] Cụm từ "chuyển khoản chứng khoán" được thay thế bởi cụm từ "chuyển khoản chứng khoán và quyền phát sinh kèm theo (nếu có)" theo quy định tại khoản 11 Điều 1 của Thông tư số 18/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 5 năm 2025.

[23] Cụm từ "chuyển khoản chứng khoán" được thay thế bởi cụm từ "chuyển khoản chứng khoán và quyền phát sinh kèm theo (nếu có)" theo quy định tại khoản 11 Điều 1 của Thông tư số 18/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 5 năm 2025.

[24] Cụm từ "chuyển khoản chứng khoán" được thay thế bởi cụm từ "chuyển khoản chứng khoán và quyền phát sinh kèm theo (nếu có)" theo quy định tại khoản 11 Điều 1 của Thông tư số 18/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 5 năm 2025.

[25] Cụm từ "chuyển khoản chứng khoán" được thay thế bởi cụm từ "chuyển khoản chứng khoán và quyền phát sinh kèm theo (nếu có)" theo quy định tại khoản 11 Điều 1 của Thông tư số 18/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 5 năm 2025.

[26] Cụm từ "chuyển khoản chứng khoán" được thay thế bởi cụm từ "chuyển khoản chứng khoán và quyền phát sinh kèm theo (nếu có)" theo quy định tại khoản 11 Điều 1 của Thông tư số 18/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 5 năm 2025.

3. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện chuyển khoản chứng khoán lưu ký gắn với chuyển quyền sở hữu chứng khoán ngoài hệ thống giao dịch chứng khoán đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư này và các trường hợp chuyển khoản khác sau khi có ý kiến của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

4. Thành viên lưu ký phải chuyển cho Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam hồ sơ chuyển khoản chứng khoán trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của khách hàng.

5. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam có trách nhiệm xử lý hồ sơ chuyển khoản chứng khoán trong thời hạn 01 ngày làm việc đối với các trường hợp chuyển khoản quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, h khoản 2 Điều này và tối đa 05 ngày làm việc đối với các trường hợp chuyển khoản quy định tại các điểm e, g khoản 2, khoản 3 Điều này kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

6. Việc chuyển khoản chứng khoán tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam được thực hiện theo quy chế về hoạt động lưu ký chứng khoán của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Điều 23. Phong tỏa, giải tỏa chứng khoán

1. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện phong tỏa, giải tỏa chứng khoán trong các trường hợp:

a) Phong tỏa, giải tỏa chứng khoán theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Phong tỏa, giải tỏa chứng khoán theo yêu cầu của nhà đầu tư;

c) Phong tỏa, giải tỏa chứng khoán của nhà đầu tư được sử dụng để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trong các giao dịch bảo đảm.

2. Đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam chỉ thực hiện phong tỏa, giải tỏa chứng khoán sau khi có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Sau khi phong tỏa, giải tỏa chứng khoán trên các tài khoản lưu ký chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam có trách nhiệm thông báo để thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp thực hiện phong tỏa, giải tỏa chứng khoán và thông báo cho khách hàng có liên quan của thành viên lưu ký.

3. Đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện phong tỏa, giải tỏa chứng khoán của

nhà đầu tư khi có yêu cầu của chính nhà đầu tư gửi cho Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thông qua thành viên lưu ký nơi nhà đầu tư có chứng khoán lưu ký thực hiện phong tỏa, giải tỏa.

Chứng khoán phong tỏa là loại chứng khoán tự do chuyển nhượng, không bị phong tỏa, tạm giữ, ký quỹ. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam có trách nhiệm xử lý hồ sơ phong tỏa, giải tỏa chứng khoán trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Việc phong tỏa, giải tỏa chứng khoán theo yêu cầu của nhà đầu tư được thực hiện theo quy chế về hoạt động lưu ký chứng khoán của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

4. Đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều này, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện theo quy định về đăng ký biện pháp bảo đảm đối với chứng khoán đã đăng ký tập trung tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Chương IV
HOẠT ĐỘNG BÙ TRỪ VÀ THANH TOÁN GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THEO CƠ CHẾ ĐỐI TÁC BÙ TRỪ TRUNG TÂM

Điều 24. Nguyên tắc bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán

1. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện bù trừ đa phương để xác định nghĩa vụ thanh toán giao dịch chứng khoán theo nguyên tắc sau:

a) Việc bù trừ chứng khoán được thực hiện theo từng chứng khoán và tách biệt theo loại tài khoản môi giới cho khách hàng trong nước, tài khoản môi giới cho khách hàng nước ngoài và tài khoản tự doanh của thành viên bù trừ;

b) Việc bù trừ tiền được thực hiện cho từng thành viên bù trừ trên cơ sở bù trừ chung giữa số tiền được nhận và số tiền phải trả cho các giao dịch có cùng thời gian, phương thức thanh toán trên hệ thống giao dịch chứng khoán và tách biệt theo loại tài khoản môi giới cho khách hàng trong nước, tài khoản môi giới cho khách hàng nước ngoài và tài khoản tự doanh của thành viên bù trừ.

2. Việc thanh toán chuyển giao chứng khoán tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và thanh toán tiền tại ngân hàng thanh toán được thực hiện trên cơ sở nghĩa vụ thanh toán chứng khoán và tiền do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam xác định.

3. Thành viên bù trừ chịu trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của khách hàng đối với Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam với tư cách là đại diện theo ủy quyền của khách hàng, bao gồm cả giao dịch của thành viên giao dịch không bù trừ, khách hàng của thành viên giao dịch không bù trừ.

4. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày chính thức triển khai hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm, thành viên lưu ký được phép tham gia hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán như thành viên bù trừ trực tiếp, thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên bù trừ đối với việc cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm theo quy định pháp luật và quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam đảm bảo khả năng thanh toán giao dịch chứng khoán thông qua các cơ chế đảm bảo thanh toán quy định tại Điều 35 Thông tư này.

6. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam ban hành quy chế về hoạt động bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán.

Điều 25. Tài khoản ký quỹ bù trừ của nhà đầu tư

1. Thành viên bù trừ mở cho nhà đầu tư tài khoản ký quỹ bù trừ để quản lý tài sản ký quỹ bù trừ và thực hiện nghĩa vụ thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư theo nguyên tắc ứng với mỗi tài khoản giao dịch nhà đầu tư được mở 01 tài khoản ký quỹ bù trừ. Công ty chứng khoán không phải là thành viên bù trừ và khách hàng của mình phải mở tài khoản ký quỹ bù trừ để quản lý tài sản ký quỹ bù trừ và thực hiện nghĩa vụ thanh toán tại một thành viên bù trừ chung trên cơ sở hợp đồng uỷ thác bù trừ, thanh toán giữa công ty chứng khoán và thành viên bù trừ chung.

Trường hợp nhà đầu tư có tài khoản lưu ký chứng khoán tại ngân hàng lưu ký không phải là thành viên bù trừ, nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng khoán và tài khoản ký quỹ bù trừ tại cùng một công ty chứng khoán là thành viên bù trừ để quản lý tài sản ký quỹ bù trừ và thực hiện nghĩa vụ thanh toán giao dịch chứng khoán.

2. Trường hợp tài sản ký quỹ bù trừ là tiền, thành viên bù trừ phải mở tài khoản tiền gửi đứng tên thành viên bù trừ tại ngân hàng để thực hiện ký quỹ bù trừ và quản lý tách biệt tiền gửi để thực hiện ký quỹ bù trừ của nhà đầu tư. Trường hợp tài sản ký quỹ bù trừ là chứng khoán, thành viên bù trừ quản lý chứng khoán ngay trên tài khoản lưu ký chứng khoán của nhà đầu tư tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

3. Tài khoản ký quỹ bù trừ của nhà đầu tư chỉ được sử dụng cho các hoạt động sau:

a) Nhận và hoàn trả tài sản ký quỹ bù trừ cho nhà đầu tư;

b) Nhận hoặc thanh toán tiền giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư, nhận thanh toán lãi tiền gửi ngân hàng theo mức lãi suất thỏa thuận giữa thành viên bù trừ và ngân hàng quản lý tài khoản;

c) Nhận hoặc chuyển giao chứng khoán vào ngày thanh toán, nhận quyền và lợi ích phát sinh đối với chứng khoán trên tài khoản ký quỹ bù trừ theo hướng dẫn tại quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Điều 26. Ký quỹ bù trừ của nhà đầu tư

1. Trước khi thực hiện giao dịch chứng khoán, nhà đầu tư phải có đầy đủ tài sản ký quỹ bù trừ theo yêu cầu của thành viên bù trừ, quy định pháp luật về giao dịch chứng khoán, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán đối với các giao dịch chứng khoán dự kiến thực hiện. Việc ký quỹ bù trừ của nhà đầu tư được thực hiện bằng tiền, chứng khoán của chính nhà đầu tư. Chứng khoán ký quỹ bù trừ phải là chứng khoán đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 29 Thông tư này và được thành viên bù trừ chấp nhận.

2. Nhà đầu tư phải duy trì ký quỹ bù trừ cho các giao dịch chưa hoàn tất thanh toán và phải bổ sung tài sản ký quỹ bù trừ trong trường hợp giá trị tài sản ký quỹ bù trừ thấp hơn giá trị ký quỹ bù trừ yêu cầu hoặc số dư tiền gửi ký quỹ bù trừ không đảm bảo tỷ lệ ký quỹ bù trừ tối thiểu bằng tiền theo yêu cầu của thành viên bù trừ. Tùy vào điều kiện thị trường, thành viên bù trừ có quyền yêu cầu nhà đầu tư bổ sung ký quỹ bù trừ ngay trong phiên giao dịch. Mức ký quỹ bù trừ bổ sung và thời hạn bổ sung ký quỹ bù trừ thực hiện theo hướng dẫn của thành viên bù trừ.

3. Khi nhà đầu tư thực hiện ký quỹ bù trừ ban đầu hoặc bổ sung ký quỹ bù trừ, thành viên bù trừ được yêu cầu nhà đầu tư ký quỹ bù trừ toàn bộ bằng tiền hoặc cho phép nhà đầu tư ký quỹ bù trừ một phần bằng chứng khoán được thành viên bù trừ chấp nhận nhưng đảm bảo không vượt quá 40% giá trị tài sản ký quỹ bù trừ. Nhà đầu tư được rút bớt tài sản ký quỹ bù trừ nếu giá trị tài sản ký quỹ bù trừ vượt quá giá trị ký quỹ bù trừ yêu cầu do thành viên bù trừ xác định.

4. Tiền và chứng khoán trên tài khoản ký quỹ bù trừ của nhà đầu tư thuộc sở hữu của nhà đầu tư, không thuộc sở hữu của thành viên bù trừ. Thành viên bù trừ chỉ được sử dụng tiền, chứng khoán trên tài khoản ký quỹ bù trừ của nhà đầu tư theo quy định tại khoản 5 Điều 30 Thông tư này.

Điều 27. Tài khoản ký quỹ bù trừ của thành viên bù trừ

1. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam có trách nhiệm mở các tài khoản tiền gửi ký quỹ bù trừ đứng tên Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam tại ngân hàng thanh toán và tài khoản chứng khoán ký quỹ bù trừ đứng tên Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam để quản lý tài sản ký quỹ bù trừ cho các giao dịch chứng khoán của thành viên bù trừ và các khách hàng của thành viên bù trừ quy định tại khoản 3 Điều 24 Thông tư này.

2. Tại ngân hàng thanh toán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam mở cho mỗi thành viên bù trừ 03 tài khoản tiền gửi ký quỹ bù trừ và 03 tài khoản tiền gửi thanh toán đứng tên Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam để quản lý tách biệt tài sản ký quỹ bù trừ và thực hiện thanh toán cho giao dịch tự doanh, giao dịch của khách hàng môi giới trong nước, giao dịch của khách hàng môi giới nước ngoài.

3. Tài khoản ký quỹ bù trừ của thành viên bù trừ chỉ được sử dụng cho các hoạt động nhận và hoàn trả tài sản ký quỹ bù trừ. Tài sản trên tài khoản này bao gồm cả tài sản của khách hàng mà thành viên bù trừ sử dụng để ký quỹ bù trừ cho giao dịch chứng khoán của chính khách hàng đó và lãi tiền gửi ngân hàng được nhận. Tiền và chứng khoán phát sinh từ thực hiện quyền đối với chứng khoán ký quỹ bù trừ trên tài khoản chứng khoán ký quỹ bù trừ được phân bổ theo quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

4. Tài khoản ký quỹ bù trừ của thành viên bù trừ phải được Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thiết lập, đảm bảo quản lý tách biệt tài sản của thành viên bù trừ với tài sản của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; tách biệt tài sản, tiền thanh toán của từng thành viên bù trừ; tách biệt với tài sản ký quỹ bù trừ của thị trường chứng khoán phái sinh.

5. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam có trách nhiệm thiết lập hệ thống quản lý đầy đủ thông tin về nghĩa vụ thanh toán, giá trị thanh toán, mức ký quỹ bù trừ yêu cầu, giá trị và danh mục tài sản ký quỹ bù trừ theo từng thành viên bù trừ.

6. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam có quyền yêu cầu thành viên bù trừ cung cấp thông tin chi tiết về tài khoản giao dịch (trường hợp thành viên bù trừ là thành viên giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam), tài khoản ký quỹ bù trừ, giá trị và danh mục tài sản ký quỹ bù trừ của từng nhà đầu tư.

Điều 28. Ký quỹ bù trừ của thành viên bù trừ

1. Việc ký quỹ bù trừ của thành viên bù trừ đối với Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam được thực hiện như sau:

a) Thành viên bù trừ phải nộp ký quỹ bù trừ đầy đủ và kịp thời cho Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam đối với tất cả các giao dịch chứng khoán chưa hoàn tất thanh toán đứng tên thành viên bù trừ, bao gồm cả giao dịch của chính thành viên bù trừ và giao dịch của khách hàng của thành viên bù trừ;

b) Thành viên bù trừ phải nộp bổ sung tài sản ký quỹ bù trừ khi giá trị tài sản ký quỹ bù trừ không đáp ứng được giá trị ký quỹ bù trừ yêu cầu hoặc số dư tiền gửi ký quỹ bù trừ không đảm bảo tỷ lệ ký quỹ bù trừ tối thiểu bằng tiền do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam tính toán đối với toàn bộ giao dịch chứng khoán chưa hoàn tất thanh toán đứng tên thành viên bù trừ và được rút bớt tài sản ký quỹ bù trừ nếu giá trị tài sản ký quỹ bù trừ vượt quá giá trị ký quỹ bù trừ yêu cầu;

c) Tài sản ký quỹ bù trừ của thành viên bù trừ bao gồm tiền, chứng khoán được Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam chấp nhận ký quỹ bù trừ. Tỷ lệ ký quỹ bù trừ bằng tiền thực hiện theo quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, đảm bảo không thấp hơn 90% giá trị tài sản ký quỹ bù trừ. Giá trị ký quỹ bù trừ yêu cầu đối với các giao dịch chứng khoán chưa hoàn tất thanh toán đứng tên thành viên bù trừ được Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam tính toán cho thành viên bù trừ hàng ngày dựa trên giá trị ký quỹ rủi ro, giá trị ký quỹ biến đổi, phần bù rủi ro thị trường.

2. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam xác định mức ký quỹ bù trừ yêu cầu đối với các giao dịch chứng khoán chưa hoàn tất thanh toán theo thành viên bù trừ, loại chứng khoán và tách biệt theo từng hoạt động tự doanh, môi giới trong nước, môi giới nước ngoài. Trong trường hợp thành viên bù trừ không nộp bổ sung đầy đủ, kịp thời ký quỹ bù trừ theo yêu cầu, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam được áp dụng các biện pháp xử lý sau:

a) Yêu cầu Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam đình chỉ giao dịch đối với thành viên bù trừ là thành viên giao dịch vi phạm và thành viên giao dịch không bù trừ vi phạm có hợp đồng ủy thác bù trừ, thanh toán với thành viên bù trừ;

b) Từ chối thế vị đối với giao dịch của thành viên bù trừ và thành viên giao dịch không bù trừ ủy thác bù trừ, thanh toán qua thành viên bù trừ thực hiện sau khi Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam đã yêu cầu Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam đình chỉ hoạt động giao dịch của thành viên này;

c) Xử lý vi phạm đối với thành viên bù trừ vi phạm theo quy định tại quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

3. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam không thực hiện gửi có kỳ hạn đối với tiền gửi ký quỹ bù trừ của thành viên bù trừ. Lãi tiền gửi không kỳ hạn sẽ được hoàn trả cho thành viên bù trừ theo lãi suất ngân hàng thanh toán công bố.

4. Việc xác định các loại ký quỹ bù trừ, phương pháp tính ký quỹ bù trừ, tham số tính toán, loại tài sản được chấp thuận ký quỹ bù trừ, thủ tục nộp, rút ký quỹ bù trừ, tỷ lệ ký quỹ bù trừ, tỷ lệ ký quỹ bù trừ tối thiểu bằng tiền, việc thực hiện các quyền liên quan đến chứng khoán ký quỹ bù trừ và các nội dung liên quan khác thực hiện theo quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Điều 29. Tài sản ký quỹ bù trừ

1. Nhà đầu tư và thành viên bù trừ được sử dụng tiền và chứng khoán đáp ứng điều kiện tại khoản 2, khoản 3 Điều này để thực hiện ký quỹ bù trừ.

2. Chứng khoán được Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam chấp nhận là tài sản ký quỹ bù trừ cho các giao dịch chứng khoán phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Không thuộc loại bị cảnh báo, bị kiểm soát, tạm ngừng giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chứng khoán của các tổ chức phát hành đang trong tình trạng giải thể, phá sản, hợp nhất, sáp nhập;

b) Không phải là tài sản bảo đảm trong các giao dịch theo quy định pháp luật dân sự về giao dịch tài sản bảo đảm, kể cả tài sản bảo đảm trong giao dịch ký quỹ tại công ty chứng khoán; không phải là tài sản đang bị phong tỏa bởi tổ chức, cơ quan quản lý nhà nước theo quy định pháp luật liên quan;

c) Không bị phong tỏa, tạm giữ tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

d) Thuộc loại tự do chuyển nhượng và đã được lưu ký trên tài khoản chứng khoán giao dịch tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; là tài sản thuộc quyền sở hữu của bên ký quỹ bù trừ là nhà đầu tư, thành viên bù trừ;

đ) Các điều kiện khác theo quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

3. Chứng khoán được thành viên bù trừ lựa chọn cho phép nhà đầu tư nộp ký quỹ bù trừ phải đảm bảo:

a) Đáp ứng điều kiện quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 2 Điều này;

b) Đáp ứng các điều kiện khác của thành viên bù trừ.

4. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, thành viên bù trừ có trách nhiệm công bố danh sách chứng khoán được chấp thuận ký quỹ bù trừ và tỷ lệ chiết khấu của từng chứng khoán trên trang thông tin điện tử của mình. Trường hợp thay đổi chứng khoán được chấp thuận làm tài sản ký quỹ bù trừ, nhà đầu tư, thành viên bù trừ có trách nhiệm thay thế bằng tiền hoặc chứng khoán được chấp thuận ký quỹ bù trừ khác theo yêu cầu của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, thành viên bù trừ.

5. Trong thời gian ký quỹ bù trừ, nhà đầu tư, thành viên bù trừ vẫn được nhận các quyền, lợi ích phát sinh liên quan tới chứng khoán ký quỹ bù trừ theo quy định pháp luật doanh nghiệp, pháp luật chứng khoán và theo quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

6. Trong thời gian ký quỹ bù trừ, nhà đầu tư, thành viên bù trừ không được chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, ký quỹ, đăng ký tài sản bảo đảm hoặc sử dụng tài sản ký quỹ bù trừ vào mục đích khác.

Điều 30. Quản lý tài khoản ký quỹ bù trừ, tài sản ký quỹ bù trừ của nhà đầu tư và thành viên bù trừ

1. Thành viên bù trừ phải quản lý tách biệt tài khoản và tài sản ký quỹ bù trừ tới từng nhà đầu tư; tách biệt với tài khoản và tài sản ký quỹ bù trừ của chính mình; tách biệt tài khoản và tài sản ký quỹ bù trừ với thị trường chứng khoán phái sinh.

2. Thành viên bù trừ chỉ được sử dụng tài sản ký quỹ bù trừ trên tài khoản ký quỹ bù trừ của nhà đầu tư để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán, thực hiện thanh toán cho các giao dịch chứng khoán của chính nhà đầu tư đó, không được sử dụng để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán, thực hiện thanh toán cho các giao dịch của chính thành viên bù trừ và nhà đầu tư khác, không được sử dụng làm tài sản bảo đảm hoặc để thanh toán cho các mục đích khác, không được sử dụng làm tài sản bảo đảm cho các khoản vay của mình hoặc sử dụng để đầu tư ngoại trừ quy định tại khoản 5 Điều này. Lãi tiền gửi được hoàn trả cho nhà đầu tư theo lãi suất không kỳ hạn do ngân hàng thanh toán công bố.

3. Tài sản ký quỹ bù trừ của nhà đầu tư phải được quản lý tách biệt, không phải và không được coi là tài sản của thành viên bù trừ, kể cả khi đã được ký quỹ bù trừ trên tài khoản ký quỹ bù trừ của thành viên bù trừ.

4. Trường hợp thành viên bù trừ giải thể, phá sản, tài sản ký quỹ bù trừ của nhà đầu tư không phải là tài sản của thành viên bù trừ và không được sử dụng để xử lý

theo quy định pháp luật về giải thể, phá sản, không được phân chia cho các chủ nợ của thành viên bù trừ hoặc phân chia cho các cổ đông, thành viên góp vốn của thành viên bù trừ dưới mọi hình thức. Thành viên bù trừ có trách nhiệm hoàn trả ngay cho nhà đầu tư phần tài sản ký quỹ bù trừ còn lại sau khi hoàn tất nghĩa vụ thanh toán của nhà đầu tư.

5. Hàng ngày và trong các phiên giao dịch có giá chứng khoán biến động mạnh, thành viên bù trừ tính toán mức ký quỹ bù trừ yêu cầu, đánh giá lại giá trị tài sản ký quỹ bù trừ, đảm bảo nhà đầu tư luôn duy trì ký quỹ bù trừ theo thỏa thuận tại hợp đồng và phù hợp với quy định pháp luật. Trường hợp nhà đầu tư mất khả năng thanh toán giao dịch chứng khoán, thành viên bù trừ được sử dụng, bán, chuyển giao tài sản ký quỹ bù trừ mà không cần sự chấp thuận của nhà đầu tư. Trong thời hạn 01 ngày làm việc sau khi xử lý tài sản ký quỹ bù trừ, thành viên bù trừ phải thông báo cho nhà đầu tư theo phương thức đã thỏa thuận với nhà đầu tư về việc xử lý tài sản ký quỹ bù trừ. Thông báo phải nêu rõ lý do, loại tài sản đã xử lý, phương thức, thời gian và giá trị thực hiện.

6. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam có quyền sử dụng tài sản ký quỹ bù trừ của nhà đầu tư, thành viên bù trừ đã nộp cho Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam để thực hiện các nghĩa vụ của nhà đầu tư, thành viên bù trừ theo quy định tại điểm m khoản 1 Điều 156 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. Trong thời hạn 01 ngày làm việc sau khi xử lý tài sản ký quỹ bù trừ, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam phải thông báo bằng văn bản cho thành viên bù trừ về việc xử lý tài sản ký quỹ bù trừ. Thông báo phải nêu rõ lý do, loại tài sản đã xử lý, phương thức và thời gian xử lý, giá trị thực hiện.

Điều 31. Ký quỹ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán của tổ chức mở tài khoản trực tiếp, khách hàng của ngân hàng lưu ký

1. Tổ chức mở tài khoản trực tiếp, khách hàng của ngân hàng lưu ký khi giao dịch chứng khoán phải đáp ứng yêu cầu về giao dịch chứng khoán và thực hiện ký quỹ bù trừ trước khi giao dịch theo các quy định pháp luật về giao dịch chứng khoán, bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán.

2. Trường hợp có thoả thuận với thành viên bù trừ, tổ chức mở tài khoản trực tiếp có thể tự quản lý tài sản ký quỹ bù trừ trên tài khoản lưu ký của tổ chức mở tài khoản trực tiếp; ngân hàng lưu ký không phải là thành viên bù trừ có thể quản lý tài sản ký quỹ bù trừ là tiền, chứng khoán của khách hàng trên tài khoản lưu ký của

khách hàng tại ngân hàng lưu ký nhưng việc bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán của tổ chức mở tài khoản trực tiếp, khách hàng của ngân hàng lưu ký phải được thực hiện trên tài khoản ký quỹ bù trừ mở tại thành viên bù trừ.

3. Thành viên bù trừ chịu trách nhiệm đối với toàn bộ nghĩa vụ ký quỹ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán của tổ chức mở tài khoản trực tiếp, khách hàng của ngân hàng lưu ký không phải là thành viên bù trừ đối với Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, kể cả trường hợp có thoả thuận về việc quản lý ký quỹ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán với tổ chức mở tài khoản trực tiếp, ngân hàng lưu ký đó.

4. Ngân hàng lưu ký là thành viên bù trừ thực hiện đầy đủ trách nhiệm của thành viên bù trừ theo quy định tại khoản 3 Điều 24 Thông tư này và chỉ được quyền từ chối xác nhận thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư trong trường hợp công ty chứng khoán đặt lệnh giao dịch là thành viên bù trừ đặt sai thông tin lệnh của nhà đầu tư hoặc đặt lệnh khi chưa có xác nhận, bảo lãnh của ngân hàng lưu ký. Trong trường hợp này, công ty chứng khoán là thành viên bù trừ chịu trách nhiệm sửa lỗi cho giao dịch của nhà đầu tư theo quy định tại Điều 33 Thông tư này.

Điều 32. Thế vị, đối chiếu, xác nhận giao dịch

1. Sau khi nhận kết quả giao dịch từ các Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam kiểm tra tính hợp lệ của các giao dịch trước khi thực hiện thế vị giao dịch. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam được quyền từ chối thế vị và loại bỏ thanh toán đối với các giao dịch không hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Thông tư này.

2. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam có trách nhiệm thông báo danh sách giao dịch hợp lệ cho các thành viên bù trừ để đối chiếu và xác nhận.

3. Thành viên bù trừ có trách nhiệm đối chiếu chi tiết giao dịch với danh sách giao dịch hợp lệ của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam gửi và xác nhận lại với Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam theo quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Điều 33. Sửa lỗi sau giao dịch

1. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện sửa lỗi sau giao dịch đối với các trường hợp sau:

a) Thành viên bù trừ là công ty chứng khoán đặt nhầm, sai lệnh của khách hàng như: sai số tài khoản của khách hàng, sai mã chứng khoán, sai mức giá, thừa lệnh, nhầm lệnh mua thành lệnh bán và ngược lại, sai số lượng chứng khoán;

b) Thành viên bù trừ không kiểm soát số dư chứng khoán và tiền của khách hàng theo quy định dẫn đến thiếu chứng khoán hoặc tiền để thanh toán giao dịch chứng khoán;

c) Số lượng chứng khoán bán hoặc số lượng chứng khoán mua chênh lệch do tổng số lượng chứng khoán bán không bằng với tổng số lượng chứng khoán mua trên các lệnh giao dịch trong ngày đã được thực hiện của nhà đầu tư;

d) Công ty chứng khoán là thành viên bù trừ đặt lệnh giao dịch cho khách hàng của thành viên bù trừ là ngân hàng lưu ký khi chưa có xác nhận hoặc đặt lệnh sai so với thông tin xác nhận của ngân hàng lưu ký;

đ) Tài khoản thiếu chứng khoán của khách hàng đến thời điểm quy định không gửi thông báo, xác nhận với Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

e) Các giao dịch thiếu thông tin tài khoản của khách hàng.

2. Việc sửa lỗi sau giao dịch được Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện theo nguyên tắc sau:

a) Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện sửa lỗi về tài khoản tự doanh theo yêu cầu của thành viên bù trừ đối với các trường hợp quy định tại tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều này;

b) Đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều này, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam sửa lỗi về tài khoản tự doanh của công ty chứng khoán sau khi ngân hàng lưu ký từ chối xác nhận thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng;

c) Đối với trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam sửa lỗi về tài khoản tự doanh của thành viên bù trừ mà không cần có ý kiến của thành viên bù trừ;

d) Đối với trường hợp quy định tại điểm e khoản 1 Điều này, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam sửa lỗi về đúng tài khoản của khách hàng đã được cập nhật thông tin trong thời gian quy định. Sau thời gian này, đối với các giao dịch thiếu thông tin tài khoản nhà đầu tư, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam sửa lỗi về tài khoản tự doanh của thành viên bù trừ.

3. Trường hợp thành viên bù trừ sửa lỗi không có tài khoản tự doanh, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam sẽ mở tài khoản tự doanh cho thành viên bù trừ để hạch toán tạm thời số chứng khoán mà thành viên bù trừ được nhận hoặc phải trả do phải thực hiện sửa lỗi. Cơ chế thực hiện như sau:

a) Khi được nhận chứng khoán từ việc sửa lỗi, thành viên bù trừ có nghĩa vụ bán ngay số chứng khoán được nhận về từ giao dịch sửa lỗi vào phiên giao dịch gần nhất để Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam đóng tài khoản;

b) Khi phải hoàn trả chứng khoán vay từ bên cho vay, thành viên bù trừ được phép duy trì tài khoản tự doanh cho đến khi hoàn tất nghĩa vụ đối với bên cho vay chứng khoán.

4. Trường hợp sửa lỗi dẫn tới vượt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo quy định, thành viên bù trừ có trách nhiệm bán một phần hoặc toàn bộ số chứng khoán nhận về từ giao dịch sửa lỗi vào phiên giao dịch gần nhất để giảm tỷ lệ sở hữu nước ngoài xuống mức quy định.

5. Đối với các lỗi không thuộc các trường hợp nêu tại khoản 1 Điều này, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam được xem xét, xử lý sau khi có ý kiến chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

6. Thành viên bù trừ do sửa lỗi sau giao dịch bị coi là mất khả năng thanh toán giao dịch chứng khoán được áp dụng các cơ chế hỗ trợ thanh toán theo quy định tại Điều 35 Thông tư này.

7. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam có trách nhiệm thông báo cho Sở giao dịch chứng khoán các giao dịch sửa lỗi sau giao dịch.

8. Việc sửa lỗi sau giao dịch được thực hiện theo hướng dẫn tại quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Điều 34. Xử lý lỗi giao dịch tự doanh

1. Trường hợp thành viên bù trừ là công ty chứng khoán nhập sai số hiệu tài khoản tự doanh, sai lệnh tự doanh vào hệ thống giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam sẽ thực hiện điều chỉnh tương ứng về đúng số hiệu tài khoản tự doanh, lệnh tự doanh của công ty chứng khoán, ngân hàng lưu ký để thực hiện bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán.

2. Trường hợp thành viên bù trừ là công ty chứng khoán nhập sai lệnh dẫn tới thiếu chứng khoán để thanh toán hoặc thành viên lập quỹ hoán đổi danh mục bị thiếu chứng khoán hoặc chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục để thanh toán do giao dịch hoán đổi không thành công theo quy định về quản lý quỹ hoán đổi danh mục thì được áp dụng các cơ chế hỗ trợ thanh toán theo quy định tại Điều 35 Thông tư này.

3. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam có trách nhiệm thông báo cho Sở giao dịch chứng khoán các giao dịch xử lý lỗi sau giao dịch.

Điều 35. Xử lý các trường hợp mất khả năng thanh toán giao dịch chứng khoán

1. Thành viên bù trừ, khách hàng của thành viên bù trừ bị mất khả năng thanh toán giao dịch chứng khoán khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Không kịp thời thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các nghĩa vụ ký quỹ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

b) Bị phá sản hoặc tuyên bố phá sản theo quy định pháp luật về phá sản doanh nghiệp;

c) Các trường hợp khác theo quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2. Trường hợp thiếu tiền, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam được sử dụng các nguồn hỗ trợ để đảm bảo thanh toán giao dịch chứng khoán khi thành viên bù trừ, khách hàng của thành viên bù trừ mất khả năng thanh toán giao dịch chứng khoán theo trình tự sau:

a) Sử dụng tiền ký quỹ bù trừ của thành viên bù trừ mất khả năng thanh toán giao dịch chứng khoán theo trình tự quy định tại quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

b) Sử dụng khoản đóng góp quỹ bù trừ bằng tiền của thành viên bù trừ mất khả năng thanh toán giao dịch chứng khoán trường hợp tiền ký quỹ bù trừ của thành viên bù trừ không đủ bù đắp nghĩa vụ thanh toán;

c) Thực hiện sử dụng, bán, chuyển giao tài sản ký quỹ bù trừ của thành viên bù trừ, nhà đầu tư mất khả năng thanh toán giao dịch chứng khoán, tài sản đóng góp quỹ bù trừ bằng chứng khoán của thành viên bù trừ mất khả năng thanh toán giao dịch chứng khoán theo quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

d) Sử dụng khoản đóng góp quỹ bù trừ của thành viên bù trừ khác theo tỷ lệ do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam quyết định. Trong trường hợp này Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thông báo cho các thành viên bù trừ thông tin về việc sử dụng quỹ bù trừ để đảm bảo thanh toán trong ngày sử dụng. Thành viên bù trừ mất khả năng thanh toán giao dịch chứng khoán có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số tài sản quỹ bù trừ đã sử dụng và thanh toán tiền lãi cho các thành viên bù trừ khác theo lãi suất do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam quy định;

đ) Sử dụng Quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ và các nguồn vốn hợp pháp khác của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam sau khi được sự chấp thuận của Bộ Tài chính.

3. Trường hợp thiếu chứng khoán do sửa lỗi sau giao dịch hoặc xử lý lỗi tự doanh, thành viên bù trừ áp dụng các biện pháp hỗ trợ theo trình tự sau:

a) Sử dụng chứng khoán vay qua hệ thống vay và cho vay chứng khoán do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam quản lý;

b) Trường hợp đến thời điểm thanh toán theo quy định, thành viên bù trừ vẫn không đủ chứng khoán để thanh toán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam sẽ thực hiện lùi thời hạn thanh toán đối với số lượng chứng khoán thiếu của thành viên bù trừ để tiếp tục áp dụng cơ chế hỗ trợ do thiếu chứng khoán quy định tại điểm a hoặc điểm c khoản này. Việc lùi thời hạn thanh toán thực hiện theo quy định tại Điều 36 Thông tư này;

c) Mua bắt buộc qua hệ thống giao dịch chứng khoán. Giao dịch mua bắt buộc được thanh toán trong ngày và được bù trừ chung với giao dịch có cùng ngày thanh toán qua hệ thống của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

4. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam được thực hiện thanh toán bằng tiền đối với giao dịch thiếu chứng khoán trong các trường hợp sau:

a) Ngày thanh toán là ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền có phát sinh lợi ích vật chất mà thành viên bù trừ không hoàn tất việc vay, mua bắt buộc chứng khoán trong thời gian quy định;

b) Chứng khoán thiếu không được phép vay và mua bắt buộc theo quy định của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam;

c) Thành viên bù trừ đã áp dụng các biện pháp hỗ trợ quy định tại khoản 3 Điều này mà vẫn không đủ chứng khoán để thanh toán.

5. Thành viên bù trừ mất khả năng thanh toán giao dịch chứng khoán, khách hàng của thành viên bù trừ mất khả năng thanh toán giao dịch chứng khoán phải hoàn trả các nguồn hỗ trợ đã sử dụng quy định tại khoản 2 Điều này theo trình tự như sau:

a) Các nguồn vốn hợp pháp của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

b) Quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

c) Khoản đóng góp của các thành viên bù trừ khác trong quỹ bù trừ;

d) Khoản đóng góp của chính thành viên bù trừ mất khả năng thanh toán giao dịch chứng khoán trong quỹ bù trừ.

6. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam được sử dụng, bán, chuyển giao chứng khoán hiện có, chứng khoán chờ về từ các giao dịch mua trước đó trên các tài khoản tự doanh, tạo lập thị trường của thành viên bù trừ mất khả năng thanh toán tiền; chứng khoán chờ về từ các giao dịch mua thiếu tiền trước đó trên tài khoản của nhà đầu tư mất khả năng thanh toán tiền để hoàn trả các nguồn hỗ trợ đã sử dụng và bù đắp các chi phí phát sinh có liên quan.

Trong trường hợp chưa thể bán, sử dụng, chuyển giao chứng khoán hiện có, chứng khoán chờ về nêu trên hoặc số tiền thu được từ việc bán, sử dụng, chuyển giao không đủ để hoàn trả các nguồn hỗ trợ và bù đắp các chi phí phát sinh liên quan, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam được sử dụng tiền thu được từ các giao dịch bán chứng khoán khác, quyền và lợi ích thu được từ chứng khoán của chính thành viên bù trừ, nhà đầu tư mất khả năng thanh toán tiền để hoàn trả các nguồn hỗ trợ và bù đắp chi phí, thiệt hại phát sinh.

7. Việc sử dụng các nguồn hỗ trợ thanh toán, cơ chế xử lý tài sản bảo đảm, hoàn trả khoản vay, việc xác định giá thanh toán, thời gian, trình tự thanh toán bằng tiền thực hiện theo quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

8. Ngoài việc sử dụng các biện pháp đảm bảo khả năng thanh toán theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 Điều này, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam được thực hiện các biện pháp sau:

a) Yêu cầu thành viên bù trừ giải trình lý do, cung cấp toàn bộ thông tin liên quan đến việc mất khả năng thanh toán giao dịch chứng khoán, cung cấp danh sách khách hàng, thông tin nhận biết khách hàng và thông tin trên tài khoản ký quỹ bù trừ của khách hàng và thành viên bù trừ;

b) Phối hợp với Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam để đình chỉ giao dịch đối với thành viên bù trừ là thành viên giao dịch, thành viên giao dịch không bù trừ có hợp đồng ủy thác bù trừ, thanh toán với thành viên bù trừ mất khả năng thanh toán giao dịch chứng khoán, ngoại trừ các giao dịch theo yêu cầu của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (nếu có) để làm giảm nghĩa vụ thanh toán hoặc nghĩa vụ ký quỹ bù trừ của nhà đầu tư, thành viên bù trừ;

c) Điều chỉnh mức ký quỹ bù trừ yêu cầu, mức đóng góp quỹ bù trừ đối với thành viên bù trừ mất khả năng thanh toán giao dịch chứng khoán.

9. Trong trường hợp nhà đầu tư mất khả năng thanh toán giao dịch chứng khoán, thành viên bù trừ có trách nhiệm báo cáo ngay cho Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thông tin về giao dịch chứng khoán, danh mục tài sản ký quỹ bù trừ của nhà đầu tư đó và thực hiện các biện pháp xử lý phù hợp, bao gồm:

a) Yêu cầu nhà đầu tư hoặc thành viên bù trừ thực hiện giao dịch bắt buộc đối ứng với giao dịch đã thực hiện trong cùng ngày giao dịch để giảm thiểu nghĩa vụ thanh toán;

b) Đình chỉ việc nhận lệnh giao dịch chứng khoán mới từ nhà đầu tư liên quan đồng thời hủy các lệnh giao dịch chưa thực hiện của nhà đầu tư đó;

c) Sử dụng, bán, chuyển giao tài sản ký quỹ bù trừ của nhà đầu tư để mua hoặc làm tài sản bảo đảm cho khoản vay để thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với các giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư. Trường hợp không đủ, thành viên bù trừ phải sử dụng tài sản của mình để thực hiện thanh toán thay cho nhà đầu tư.

10. Việc áp dụng cơ chế vay và cho vay chứng khoán để hỗ trợ thanh toán được thực hiện theo hướng dẫn tại quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

11. Trường hợp thành viên bù trừ phải mua bắt buộc chứng khoán qua hệ thống giao dịch chứng khoán, thành viên bù trừ thực hiện theo quy định của Sở giao dịch chứng khoán.

Điều 35a.[27](bãi bỏ)

Điều 36. Lùi thời hạn thanh toán

1. Việc lùi thời hạn thanh toán được thực hiện theo nguyên tắc sau:

a) Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam sẽ tách số lượng chứng khoán thiếu để lùi thời hạn thanh toán;

b) Thời hạn lùi thanh toán tối đa là 03 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán của số lượng chứng khoán thiếu. Giá trị của số lượng chứng khoán lùi thời hạn thanh toán được xác định căn cứ vào giá đóng cửa của chứng khoán lùi thời hạn thanh toán tại ngày giao dịch liền trước ngày thanh toán;

---

[27] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 3 của Thông tư số 18/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 5 năm 2025.

(Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Thông tư số 68/2024/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 11 năm 2024).

c) Việc thanh toán chứng khoán bị lùi thời hạn thanh toán được thực hiện theo phương thức bù trừ chung với các giao dịch có ngày thanh toán kế tiếp;

d) Thành viên bù trừ có giao dịch bị lùi thời hạn thanh toán phải bồi thường cho tổ chức, cá nhân có giao dịch đối ứng liên quan theo mức 5% giá trị chứng khoán lùi thanh toán trên 01 ngày lùi thời hạn thanh toán.

2. Cách thức xác định số lượng và giá trị của chứng khoán thiếu phải lùi thời hạn thanh toán và trình tự lùi thời hạn thanh toán được thực hiện theo hướng dẫn tại quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Điều 37. Từ chối thế vị giao dịch của thành viên bù trừ và loại bỏ thanh toán giao dịch chứng khoán

1. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam có quyền từ chối thế vị và loại bỏ thanh toán giao dịch chứng khoán trong các trường hợp sau:

a) Thành viên bù trừ, khách hàng của thành viên bù trừ bán chứng khoán khi chưa sở hữu không đúng hướng dẫn của Bộ Tài chính;

b) Giao dịch của thành viên bù trừ hoặc khách hàng của thành viên bù trừ được thực hiện sau khi Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thông báo cho Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam về việc đình chỉ giao dịch đối với thành viên bù trừ đó;

c) Giao dịch thực hiện đối với mã chứng khoán chưa được chấp nhận bù trừ, thanh toán trên hệ thống của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

d) Giao dịch có số hiệu tài khoản không hợp lệ do số đăng ký thành viên bù trừ hoặc ký tự loại tài khoản giao dịch không tồn tại;

đ) Giao dịch có các thông tin không hợp lệ gồm: không có mã phiên giao dịch; ngày giao dịch khác ngày hiện tại; không có số hiệu lệnh bên mua hoặc bên bán; giá, khối lượng giao dịch nhỏ hơn hoặc bằng không; không có số xác nhận lệnh;

e) Giao dịch có tổ hợp bốn thông tin mã thị trường, mã bảng giao dịch, mã chứng khoán, số xác nhận lệnh trùng với giao dịch đã nhận trước đó;

g) Các trường hợp khác sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

2. Thành viên bù trừ có giao dịch bị từ chối thế vị và loại bỏ thanh toán tại các điểm a, b khoản 1 Điều này phải bồi thường cho tổ chức, cá nhân có giao dịch đối ứng liên quan theo mức 20% giá trị giao dịch bị từ chối thế vị hoặc không được thanh toán. Trường hợp là hành vi vi phạm pháp luật, thành viên bù trừ bị xử lý

theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.

3. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam có trách nhiệm thông báo cho Sở giao dịch chứng khoán các giao dịch bị từ chối thế vị và loại bỏ thanh toán.

Điều 38. Quản lý, sử dụng quỹ bù trừ

1. Quỹ bù trừ được hình thành từ các khoản đóng góp bằng tiền hoặc chứng khoán được Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam chấp nhận với mục đích bồi thường thiệt hại và hoàn tất các giao dịch chứng khoán, nghĩa vụ thanh toán đứng tên thành viên bù trừ trong trường hợp nhà đầu tư, thành viên bù trừ mất khả năng thanh toán giao dịch chứng khoán. Tỷ lệ giá trị chứng khoán đóng góp vào quỹ bù trừ thực hiện theo quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam xác định mức đóng góp quỹ bù trừ dựa trên rủi ro mất khả năng thanh toán giao dịch chứng khoán của thành viên bù trừ tách biệt theo từng khu vực thị trường. Giá trị đóng góp quỹ bù trừ cho khu vực thị trường nào chỉ được sử dụng để hỗ trợ thanh toán, bồi thường thiệt hại phát sinh liên quan đến giao dịch chứng khoán của khu vực thị trường đó.

3. Thành viên bù trừ có nghĩa vụ đóng góp vào quỹ bù trừ theo mức tối thiểu ban đầu, đóng góp định kỳ do đánh giá lại và đóng góp bổ sung bất thường theo yêu cầu của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam. Mức đóng góp vào quỹ bù trừ của thành viên bù trừ thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về các quỹ được quản lý bởi Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

4. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện đánh giá lại quy mô quỹ bù trừ định kỳ và xác định nghĩa vụ đóng góp quỹ bù trừ của từng thành viên bù trừ căn cứ vào quy mô giá trị thanh toán, mức độ biến động của thị trường, mức độ rủi ro và các tiêu chí khác:

a) Trường hợp số dư đóng góp quỹ bù trừ lớn hơn nghĩa vụ phải đóng góp, thành viên bù trừ được rút phần chênh lệch;

b) Trường hợp số dư đóng góp quỹ bù trừ nhỏ hơn nghĩa vụ phải đóng góp, thành viên bù trừ phải đóng góp bổ sung phần chênh lệch.

5. Thành viên bù trừ có trách nhiệm đóng góp bổ sung bất thường vào quỹ bù trừ theo quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trong các trường hợp sau:

a) Sau khi đã sử dụng hết tài sản đóng góp quỹ bù trừ theo trình tự quy định tại điểm d khoản 2 Điều 35 Thông tư này mà vẫn chưa đủ tiền để thanh toán giao dịch chứng khoán. Mức đóng góp bổ sung do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam quyết định sau khi được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

b) Thành viên bù trừ bị đặt vào các tình trạng cảnh báo theo quy định của pháp luật chứng khoán về an toàn tài chính, quy định pháp luật ngân hàng về an toàn vốn;

c) Tài sản đóng góp quỹ bù trừ của thành viên bù trừ bị phong tỏa, tịch thu theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc theo quyết định của tòa án;

d) Các trường hợp khác do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam báo cáo và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

6. Quản lý và sử dụng quỹ bù trừ:

a) Tiền đóng góp vào quỹ bù trừ thuộc sở hữu của thành viên bù trừ và được Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam quản lý tách biệt với tài sản của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và tách biệt với quỹ bù trừ của thị trường chứng khoán phái sinh. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam được toàn quyền sử dụng, chuyển giao, kể cả bán các tài sản đóng góp vào quỹ bù trừ để thực hiện nghĩa vụ thanh toán, bù đắp thiệt hại phát sinh từ giao dịch chứng khoán đứng tên thành viên bù trừ;

b) Đối với khoản đóng góp bằng tiền, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam mở tài khoản tiền gửi tại ngân hàng thanh toán để quản lý tiền của các thành viên bù trừ đóng góp vào quỹ bù trừ;

c) Đối với khoản đóng góp bằng chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam mở tài khoản lưu ký chứng khoán tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam để quản lý khoản đóng góp quỹ bù trừ của thành viên bù trừ. Cổ tức, trái tức, lãi phát sinh và các quyền lợi phát sinh khác đối với chứng khoán đóng góp phải được hoàn trả cho thành viên bù trừ sau khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính có liên quan;

d) Lãi tiền gửi phát sinh liên quan đến khoản đóng góp quỹ bù trừ bằng tiền được phân bổ cho thành viên bù trừ phù hợp với số tiền và thời gian đóng góp của từng thành viên bù trừ sau khi trừ đi chi phí quản lý cho Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và các chi phí liên quan khác (nếu có);

đ) Tùy theo giá trị thực tế của quỹ bù trừ và tần suất, mức độ sử dụng quỹ bù trừ của thành viên bù trừ, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam được quy định mức trần sử dụng trong từng trường hợp hỗ trợ thanh toán. Lãi suất vay quỹ bù trừ do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam quy định sau khi thống nhất ý kiến của thành viên bù trừ và được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

7. Hoàn trả quỹ bù trừ:

a) Thành viên bù trừ chỉ được hoàn trả lại số tiền đóng góp quỹ bù trừ khi thành viên bù trừ đó bị thu hồi Giấy chứng nhận thành viên bù trừ. Việc hoàn trả chỉ được thực hiện sau khi Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam đã khấu trừ các khoản phải trả (nghĩa vụ nợ), bao gồm cả khoản bồi thường thiệt hại tài chính cho Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và các khoản phải thanh toán cho các giao dịch chứng khoán, các nghĩa vụ thanh toán chưa được hoàn tất của thành viên bù trừ và khách hàng của thành viên bù trừ đó theo quy định tại khoản 3 Điều 24 Thông tư này;

b) Trường hợp thành viên bù trừ đang trong thời gian xử lý để thu hồi Giấy chứng nhận thành viên bù trừ, giá trị đóng góp quỹ bù trừ của thành viên bù trừ đó được quản lý tách biệt ra khỏi quỹ bù trừ và là cơ sở cho cơ quan có thẩm quyền ra quyết định thu hồi (nếu có) sau khi đã khấu trừ số tiền thành viên bù trừ còn phải thanh toán cho Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

8. Phương pháp xác định quy mô, nghĩa vụ đóng góp; tỷ lệ đóng góp quỹ bù trừ bằng tiền; trình tự nộp, rút, hoàn trả; cách thức nhận và phân bổ lãi thực hiện theo quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Điều 39. Quản lý, sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán kể từ ngày chính thức triển khai hoạt động bù trừ thanh toán theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm

1. Quản lý, sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày chính thức triển khai hoạt động bù trừ thanh toán theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm:

a) Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam tiếp tục quản lý, sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán với mục đích bồi thường thiệt hại tài chính cho Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và hoàn tất các giao dịch chứng khoán, nghĩa vụ thanh toán của thành viên lưu ký, thành viên bù trừ, nhà đầu tư trong trường hợp thành viên lưu ký, thành viên bù trừ, nhà đầu tư mất khả năng thanh toán giao dịch chứng khoán. Trong thời gian này, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam được sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán như quỹ bù trừ để

đảm bảo thanh toán theo quy định tại khoản này và các điểm b, d khoản 2 Điều 35 Thông tư này;

b) Thành viên lưu ký có trách nhiệm đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán bằng tiền với mức đóng góp cố định ban đầu, mức đóng góp hàng năm và mức đóng góp tối đa theo quy định của Bộ Tài chính về các quỹ được quản lý bởi Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

c) Tiền đóng góp vào quỹ hỗ trợ thanh toán thuộc sở hữu của thành viên lưu ký và được Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam quản lý tách biệt với tài sản của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam. Thành viên lưu ký được hoàn trả lại số tiền đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán trong các trường hợp sau:

- Thành viên lưu ký bị thu hồi Giấy chứng nhận thành viên lưu ký theo quy định của pháp luật;

- Thành viên lưu ký không được cấp Giấy chứng nhận thành viên bù trừ sau 12 tháng kể từ thời điểm chính thức triển khai hoạt động bù trừ thanh toán theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm;

d) Việc hoàn trả tại điểm c khoản này chỉ được thực hiện sau khi Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận thành viên lưu ký (đối với trường hợp thành viên lưu ký bị thu hồi Giấy chứng nhận thành viên lưu ký), đã khấu trừ các khoản phải trả (nghĩa vụ nợ), bao gồm cả khoản bồi thường thiệt hại tài chính cho Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và các khoản phải thanh toán cho các giao dịch chứng khoán, các nghĩa vụ thanh toán chưa được hoàn tất của thành viên lưu ký và khách hàng của thành viên lưu ký đó;

đ) Trường hợp thành viên lưu ký đang trong thời gian xử lý để thu hồi Giấy chứng nhận thành viên lưu ký, giá trị đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán của thành viên lưu ký được quản lý tách biệt khỏi quỹ hỗ trợ thanh toán và là cơ sở cho cơ quan có thẩm quyền ra quyết định thu hồi (nếu có) sau khi đã khấu trừ số tiền thành viên lưu ký còn phải thanh toán cho Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

e) Lãi phát sinh từ tiền đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán được phân bổ cho thành viên lưu ký tương ứng với số tiền và thời gian đóng góp của từng thành viên lưu ký sau khi trừ chi phí quản lý cho Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (nếu có);

g) Phương pháp xác định quy mô, nghĩa vụ đóng góp; trình tự nộp, rút, hoàn

trả; cách thức nhận và phân bổ lãi thực hiện theo quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2. Sau 12 tháng kể từ ngày chính thức triển khai hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thiết lập, quản lý và sử dụng quỹ bù trừ theo quy định tại Điều 38 Thông tư này để thay thế cho quỹ hỗ trợ thanh toán và xử lý các khoản đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán của thành viên lưu ký như sau:

a) Giá trị đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán của thành viên lưu ký được cấp Giấy chứng nhận thành viên bù trừ được chuyển sang thành khoản đóng góp quỹ bù trừ. Thành viên bù trừ nộp bổ sung hoặc được hoàn trả khoản đóng góp (nếu có) theo thông báo của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

b) Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam hoàn trả lại số tiền đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán cho thành viên lưu ký không được cấp Giấy chứng nhận thành viên bù trừ sau khi đã khấu trừ số tiền thành viên lưu ký còn phải thanh toán cho Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam bao gồm các khoản phải trả (nghĩa vụ nợ), khoản bồi thường thiệt hại tài chính cho Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và các khoản phải thanh toán cho các giao dịch chứng khoán, các nghĩa vụ thanh toán chưa được hoàn tất do thành viên lưu ký đó chịu trách nhiệm theo quy định pháp luật.

Điều 40. Quản lý *hoạt động*[28] vay và cho vay chứng khoán

1. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam giữ vai trò trung gian, tổ chức quản lý, vận hành *hoạt động*[29] vay và cho vay chứng khoán nhằm mục đích kết nối giữa bên cho vay và bên vay chứng khoán để thực hiện các giao dịch phù hợp với quy định pháp luật.

2. *Hoạt động*[30] vay và cho vay chứng khoán thực hiện trên các nguyên tắc sau:

a) Hoạt động vay và cho vay chứng khoán được thực hiện theo cơ chế thoả thuận hoặc khớp lệnh giữa bên vay và bên cho vay trên nguyên tắc bên vay phải có tài sản bảo đảm. Cơ chế khớp lệnh phải đảm bảo nguyên tắc ưu tiên về lãi suất, số lượng chứng khoán và thời gian;

---

[28] Cụm từ "hệ thống" được thay thế bởi cụm từ "hoạt động" theo quy định tại khoản 11 Điều 1 của Thông tư số 18/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 5 năm 2025.

[29] Cụm từ "hệ thống" được thay thế bởi cụm từ "hoạt động" theo quy định tại khoản 11 Điều 1 của Thông tư số 18/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 5 năm 2025.

[30] Cụm từ "hệ thống" được thay thế bởi cụm từ "hoạt động" theo quy định tại khoản 11 Điều 1 của Thông tư số 18/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 5 năm 2025.

b) Tài sản bảo đảm có thể là tiền hoặc chứng khoán đủ điều kiện. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam quy định chứng khoán đủ điều kiện làm tài sản bảo đảm, tỷ lệ chiết khấu tài sản bảo đảm sau khi được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

c) Giá trị tài sản bảo đảm phải đạt tỷ lệ tối thiểu 110% giá trị khoản vay. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam quy định tỷ lệ giá trị tài sản bảo đảm so với giá trị khoản vay sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận;

d) Lãi suất cho vay được thoả thuận trên nguyên tắc tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan;

đ) Khoản vay phải được hoàn trả bằng chứng khoán đã vay hoặc hoàn trả bằng tiền sau khi được chấp thuận của bên cho vay. Trường hợp bên cho vay nhận hoàn trả khoản vay bằng chứng khoán dẫn tới vượt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo quy định, phần vượt quá phải được hoàn trả bằng tiền;

e) Trường hợp bên cho vay nhận chuyển giao tài sản bảo đảm bằng chứng khoán khi bên vay mất khả năng thanh toán giao dịch chứng khoán dẫn tới vượt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo quy định, bên cho vay có trách nhiệm bán số chứng khoán vượt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo quy định trong ngày giao dịch kế tiếp ngày nhận chuyển giao.

3. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam có trách nhiệm tổ chức, quản lý, vận hành *hoạt động*[31] vay và cho vay chứng khoán tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

4. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam ban hành quy chế về hoạt động vay và cho vay chứng khoán.

Chương IVa

HOẠT ĐỘNG BÙ TRỪ VÀ THANH TOÁN GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TRƯỚC KHI TRIỂN KHAI CƠ CHẾ ĐỐI TÁC BÙ TRỪ TRUNG TÂM[32]

Điều 40a. Tổ chức hoạt động bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán

[31] Cụm từ "hệ thống" được thay thế bởi cụm từ "hoạt động" theo quy định tại khoản 11 Điều 1 của Thông tư số 18/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 5 năm 2025.

[32] Chương này bao gồm các điều 40a, 40b, 40c, 40d, 40đ, 40e, 40g, 40h, 40i, 40k và 40l được bổ sung theo quy định tại khoản 10 Điều 1 của Thông tư số 18/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 5 năm 2025.

1. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện bù trừ đa phương cho các giao dịch chứng khoán đã được xác lập trên hệ thống giao dịch chứng khoán căn cứ vào kết quả giao dịch do Sở giao dịch chứng khoán cung cấp.

2. Việc bù trừ chứng khoán được Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện theo nguyên tắc sau:

a) Đối với giao dịch chứng khoán của thành viên lưu ký, khách hàng của thành viên lưu ký, việc bù trừ được thực hiện theo từng mã chứng khoán có cùng ngày thanh toán và tách biệt theo loại tài khoản môi giới cho nhà đầu tư trong nước, tài khoản môi giới cho nhà đầu tư nước ngoài và tài khoản tự doanh của thành viên lưu ký;

b) Đối với giao dịch chứng khoán của tổ chức mở tài khoản trực tiếp, việc bù trừ được thực hiện trên tài khoản lưu ký chứng khoán của tổ chức mở tài khoản trực tiếp.

3. Thành viên lưu ký có trách nhiệm phong tỏa số chứng khoán chờ thanh toán trên tài khoản lưu ký của mình, khách hàng của mình để đảm bảo thanh toán cho các giao dịch bán chứng khoán đã được xác lập trên hệ thống giao dịch chứng khoán.

4. Ngoại trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 40h Thông tư này, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện bù trừ tiền theo nguyên tắc sau:

a) Đối với giao dịch chứng khoán của thành viên lưu ký, khách hàng của thành viên lưu ký, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện bù trừ tiền cho từng thành viên lưu ký trên cơ sở bù trừ chung giữa số tiền được nhận và số tiền phải trả cho các giao dịch có cùng ngày giao dịch, cùng ngày thanh toán và tách biệt theo nhà đầu tư trong nước, nhà đầu tư nước ngoài và chính thành viên lưu ký;

b) Đối với giao dịch chứng khoán của tổ chức mở tài khoản trực tiếp, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện bù trừ tiền trên cơ sở bù trừ chung giữa số tiền được nhận và số tiền phải trả cho các giao dịch chứng khoán có cùng ngày giao dịch, cùng ngày thanh toán.

5. Việc thanh toán giao dịch chứng khoán được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 63 Luật Chứng khoán.

6. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam ban hành quy chế hướng dẫn phương thức, thời gian, trình tự, thủ tục bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán đã được xác lập trên hệ thống giao dịch chứng khoán.

Điều 40b. Thanh toán giao dịch của thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp

1. Thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp mở tài khoản tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán tại ngân hàng thanh toán để thanh toán tiền cho các giao dịch chứng khoán đã được xác lập trên hệ thống giao dịch chứng khoán.

2. Trường hợp nhà đầu tư mở tài khoản lưu ký chứng khoán tại ngân hàng lưu ký và đặt lệnh giao dịch qua công ty chứng khoán, việc thanh toán giao dịch chứng khoán do ngân hàng lưu ký thực hiện.

3. Thành viên lưu ký nơi nhà đầu tư mở tài khoản có trách nhiệm phân bổ tiền và chứng khoán đến tài khoản của nhà đầu tư ngay sau khi Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam hoàn tất thanh toán chứng khoán và ngân hàng thanh toán hoàn tất thanh toán tiền.

Điều 40c. Đối chiếu, xác nhận kết quả giao dịch

1. Sau khi nhận kết quả giao dịch từ Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thông báo danh sách giao dịch (sau khi loại bỏ các giao dịch thuộc trường hợp quy định tại các điểm d, đ, e, g khoản 1 Điều 40i Thông tư này), giao dịch có thông tin tài khoản chưa đăng ký khu vực thị trường, giao dịch bán thiếu chứng khoán và nghĩa vụ thanh toán giao dịch chứng khoán tạm tính cho thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp.

2. Thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp có trách nhiệm đối chiếu chi tiết giao dịch giữa thông tin lệnh giao dịch được lưu giữ tại thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp với thông báo của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; thông báo cho Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thông tin giao dịch sai, đề nghị sửa lỗi, xử lý lỗi, loại bỏ thanh toán (nếu có), chuẩn bị tiền phong toả theo quy định tại các Điều 40d, 40đ, 40e, 40i Thông tư này và quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Điều 40d. Xác nhận khả năng thanh toán tiền và phong tỏa tiền đảm bảo khả năng thanh toán giao dịch chứng khoán

1. Xác nhận khả năng thanh toán tiền giao dịch chứng khoán

a) Đối với giao dịch chứng khoán (không bao gồm giao dịch mua cổ phiếu không yêu cầu có đủ tiền khi đặt lệnh của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức): thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp là bên phải trả tiền thực hiện xác nhận với Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam về việc có đủ tiền hoặc không có đủ tiền để thanh toán cho nghĩa vụ phải trả của chính mình, khách hàng của mình (nếu có);

b) Đối với giao dịch mua cổ phiếu không yêu cầu có đủ tiền khi đặt lệnh của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức: thành viên lưu ký nơi nhà đầu tư mở tài khoản lưu ký chứng khoán xác nhận với Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam về việc có đủ tiền hoặc không có đủ tiền để thanh toán cho nghĩa vụ phải trả của nhà đầu tư.

2. Trường hợp xác nhận có đủ tiền thanh toán:

a) Tổ chức mở tài khoản trực tiếp phải có đủ tiền trên tài khoản tiền gửi của mình tại ngân hàng thanh toán để ngân hàng thanh toán phong tỏa, đảm bảo thanh toán cho giao dịch chứng khoán của chính mình theo nghĩa vụ thanh toán do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thông báo;

b) Thành viên lưu ký phải có đủ tiền trên tài khoản tiền gửi tại ngân hàng thanh toán (đối với công ty chứng khoán), trên tài khoản tiền gửi tại ngân hàng lưu ký (đối với ngân hàng lưu ký) để ngân hàng thanh toán, ngân hàng lưu ký phong tỏa, đảm bảo thanh toán cho giao dịch chứng khoán của chính mình, khách hàng của mình (tách biệt khách hàng trong nước và nước ngoài) theo nghĩa vụ thanh toán do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thông báo.

3. Trường hợp xác nhận không có đủ tiền thanh toán:

a) Tổ chức mở tài khoản trực tiếp, công ty chứng khoán đề nghị ngân hàng thanh toán phong tỏa số tiền mua chứng khoán đã có, thông báo cho Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thông tin chi tiết giao dịch thiếu tiền để Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam loại bỏ thanh toán giao dịch này ngoại trừ giao dịch không bị loại bỏ quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Ngân hàng lưu ký phong tỏa số tiền mua chứng khoán đã có, đồng thời xác định giao dịch thiếu tiền để thanh toán và thực hiện:

- Đối với giao dịch thiếu tiền của ngân hàng lưu ký, khách hàng trong nước, khách hàng nước ngoài không phải nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức mua cổ phiếu không yêu cầu có đủ tiền khi đặt lệnh, ngân hàng lưu ký thông báo cho Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thông tin chi tiết giao dịch thiếu tiền để Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam loại bỏ thanh toán các giao dịch này.

- Đối với giao dịch thiếu tiền của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức mua cổ phiếu không yêu cầu có đủ tiền khi đặt lệnh, ngân hàng lưu ký thông báo thông tin giao dịch thiếu tiền cho công ty chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam để công ty chứng khoán yêu cầu ngân hàng thanh toán phong tỏa tiền đảm bảo thanh toán cho các giao dịch này.

c) Trường hợp thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp không gửi hoặc gửi không đúng thời hạn thông tin chi tiết giao dịch thiếu tiền để thanh toán theo quy định tại các điểm a, b khoản này, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam tự xác định các giao dịch mua chứng khoán để loại bỏ thanh toán theo nguyên tắc quy định tại quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

4. Đối với giao dịch thiếu tiền quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều này là giao dịch mua cổ phiếu không yêu cầu có đủ tiền khi đặt lệnh của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức:

a) Trường hợp tổng các giá trị giao dịch thiếu tiền này tại công ty chứng khoán không vượt quá hiệu số giữa số tiền đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán và số tiền đã sử dụng quỹ chưa hoàn trả của công ty chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam không loại bỏ thanh toán các giao dịch này. Công ty chứng khoán có trách nhiệm phải thanh toán đầy đủ tiền cho các giao dịch vào ngày thanh toán;

b) Trường hợp tổng giá trị các giao dịch thiếu tiền tại công ty chứng khoán vượt quá hiệu số giữa số tiền đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán và số tiền đã sử dụng quỹ chưa hoàn trả của công ty chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam yêu cầu công ty chứng khoán cung cấp thông tin chi tiết giao dịch thiếu tiền tương ứng với số tiền vượt quá và thực hiện loại bỏ thanh toán giao dịch theo nguyên tắc tổng giá trị các giao dịch thiếu tiền còn lại không bị loại bỏ của nhà đầu tư tại các công ty chứng khoán trong cùng ngày không vượt quá 50 tỷ đồng; công ty chứng khoán gửi thông báo thông tin giao dịch thiếu tiền trước được Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam xử lý trước. Trường hợp một công ty chứng khoán có nhiều hơn một giao dịch mua cổ phiếu thiếu tiền, giao dịch bị loại bỏ là giao dịch được xác lập sau. Công ty chứng khoán có trách nhiệm phải thanh toán đầy đủ tiền cho các giao dịch không bị loại bỏ vào ngày thanh toán.

c) Trường hợp công ty chứng khoán không cung cấp hoặc cung cấp thông tin chi tiết giao dịch thiếu tiền theo quy định tại điểm b khoản này không đúng thời hạn quy định tại quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam tự xác định giao dịch thiếu tiền để loại bỏ theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều này.

5. Sau khi Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam hoàn tất việc loại bỏ thanh toán giao dịch theo quy định tại các khoản 3, 4 Điều này, việc phong

tỏa tiền để đảm bảo thanh toán giao dịch chứng khoán theo nghĩa vụ thanh toán đã được Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam xác định lại được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.

6. Ngân hàng thanh toán, ngân hàng lưu ký có trách nhiệm phong tỏa và gửi thông báo xác nhận đã phong tỏa tiền để đảm bảo thanh toán giao dịch chứng khoán cho Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam. Trường hợp có sai sót trong việc xác nhận phong tỏa, ngân hàng thanh toán, ngân hàng lưu ký chịu trách nhiệm thanh toán thay cho công ty chứng khoán, nhà đầu tư và chịu các chi phí phát sinh (nếu có).

7. Sau khi hoàn tất thanh toán giao dịch chứng khoán, công ty chứng khoán được đề nghị ngân hàng thanh toán giải tỏa số tiền đã phong tỏa để đảm bảo thanh toán cho nghĩa vụ thanh toán nhưng không sử dụng.

8. Tổ chức mở tài khoản trực tiếp, công ty chứng khoán phải ký thỏa thuận với ngân hàng thanh toán để phong tỏa, xác nhận phong tỏa, giải tỏa tiền theo quy định tại các khoản 2, 3, 7 Điều này.

9. Ngân hàng thanh toán, ngân hàng lưu ký đã thực hiện phong tỏa và xác nhận phong tỏa tiền theo quy định tại Điều này chỉ được sử dụng số tiền đã phong tỏa cho mục đích thanh toán giao dịch chứng khoán theo thông báo của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Điều 40đ. Sửa lỗi sau giao dịch

1. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện sửa lỗi sau giao dịch trong các trường hợp sau:

a) Thành viên lưu ký là công ty chứng khoán thực hiện không chính xác yêu cầu đặt lệnh của nhà đầu tư về các thông tin sau: số tài khoản, mã chứng khoán, số lượng chứng khoán, mức giá đặt lệnh, số lượng lệnh, loại lệnh mua bán;

b) Công ty chứng khoán đặt lệnh giao dịch cho nhà đầu tư mở tài khoản lưu ký tại ngân hàng lưu ký khi chưa có xác nhận của ngân hàng lưu ký về số dư tiền, chứng khoán của nhà đầu tư hoặc đặt lệnh sai so với thông tin xác nhận của ngân hàng lưu ký;

c) Ngân hàng lưu ký xác nhận với công ty chứng khoán không chính xác thông tin về số dư tiền, chứng khoán của nhà đầu tư mở tài khoản lưu ký tại ngân hàng lưu ký dẫn đến nhà đầu tư không có đủ tiền, chứng khoán để thanh toán giao dịch chứng khoán;

d) Tài khoản của nhà đầu tư bị thiếu chứng khoán tại thời điểm Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam chuyển chứng khoán từ tài khoản chứng khoán giao dịch sang tài khoản chứng khoán chờ thanh toán của nhà đầu tư để chuẩn bị thanh toán giao dịch chứng khoán;

đ) Giao dịch của nhà đầu tư có thông tin tài khoản lưu ký chưa được đăng ký khu vực thị trường theo quy định tại quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2. Nguyên tắc sửa lỗi sau giao dịch:

Ngoại trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện sửa lỗi sau giao dịch thông qua việc điều chỉnh lệnh giao dịch lỗi thành lệnh giao dịch tự doanh của thành viên lưu ký theo nguyên tắc sau:

a) Thực hiện theo yêu cầu của thành viên lưu ký đối với các trường hợp quy định tại các điểm a, c khoản 1 Điều này;

b) Thực hiện khi ngân hàng lưu ký từ chối xác nhận thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

c) Thực hiện mà không cần có yêu cầu của thành viên lưu ký đối với trường hợp quy định tại điểm d, đ khoản 1 Điều này.

3. Thành viên lưu ký là ngân hàng lưu ký được thực hiện sửa lỗi thông qua tài khoản tự doanh của công ty chứng khoán mà ngân hàng lưu ký đã có thỏa thuận sửa lỗi với công ty chứng khoán đó.

4. Trường hợp thành viên lưu ký không có nghiệp vụ tự doanh phát sinh sửa lỗi sau giao dịch, thành viên lưu ký được mở tài khoản lưu ký đứng tên mình để Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam hạch toán tạm thời số lượng chứng khoán mà thành viên lưu ký được nhận hoặc phải trả từ việc sửa lỗi sau giao dịch vào tài khoản lưu ký chứng khoán đó. Sau khi nhận được chứng khoán về từ việc sửa lỗi sau giao dịch, thành viên lưu ký có trách nhiệm bán ngay số chứng khoán này tại phiên giao dịch gần nhất.

5. Trách nhiệm của các bên liên quan trong việc sửa lỗi sau giao dịch:

a) Các bên liên quan đến giao dịch phải chịu trách nhiệm đối với lỗi do mình gây ra trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;

b) Trường hợp lỗi của công ty chứng khoán dẫn đến việc khách hàng của ngân hàng lưu ký thiếu chứng khoán hoặc thiếu tiền để thanh toán, ngân hàng lưu ký

được phép đơn phương từ chối thanh toán giao dịch, công ty chứng khoán liên quan phải chịu trách nhiệm thanh toán giao dịch lỗi;

c) Trường hợp lỗi của ngân hàng lưu ký dẫn đến nhà đầu tư không có đủ tiền, chứng khoán để thanh toán giao dịch chứng khoán, ngân hàng lưu ký liên quan phải chịu trách nhiệm thanh toán giao dịch lỗi.

6. Thành viên lưu ký do sửa lỗi sau giao dịch dẫn tới mất khả năng thanh toán được áp dụng các cơ chế hỗ trợ theo quy định tại Điều 40g Thông tư này.

Điều 40e. Xử lý lỗi giao dịch tự doanh của công ty chứng khoán

1. Trường hợp công ty chứng khoán nhập sai số hiệu tài khoản tự doanh vào hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện điều chỉnh về đúng số hiệu tài khoản tự doanh của công ty chứng khoán để thực hiện thanh toán giao dịch.

2. Trường hợp công ty chứng khoán nhập sai lệnh dẫn tới thiếu chứng khoán để thanh toán hoặc thành viên lập quỹ ETF bị thiếu chứng khoán hoặc chứng chỉ quỹ ETF để thanh toán do giao dịch hoán đổi không thành công theo quy định về quản lý quỹ hoán đổi danh mục được áp dụng các cơ chế hỗ trợ theo quy định tại khoản 3 Điều 40g Thông tư này.

Điều 40g. Các biện pháp khắc phục tình trạng mất khả năng thanh toán giao dịch chứng khoán

1. Thành viên lưu ký mất khả năng thanh toán tiền giao dịch chứng khoán được áp dụng các cơ chế hỗ trợ thanh toán sau:

a) Sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán theo quy định tại Điều 40l Thông tư này;

b) Sử dụng tiền vay từ ngân hàng thanh toán.

2. Trường hợp thành viên lưu ký sử dụng tiền vay từ ngân hàng thanh toán, thành viên lưu ký và ngân hàng thanh toán được thỏa thuận sử dụng số chứng khoán trên tài khoản lưu ký của thành viên lưu ký để làm tài sản bảo đảm cho khoản vay. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam được thực hiện phong tỏa, giải tỏa, chuyển quyền sở hữu số chứng khoán là tài sản bảo đảm cho khoản vay trên cơ sở đề nghị của thành viên lưu ký và ngân hàng thanh toán.

3. Thành viên lưu ký mất khả năng thanh toán chứng khoán do sửa lỗi sau giao dịch, xử lý lỗi giao dịch tự doanh được áp dụng các biện pháp hỗ trợ sau:

a) Sử dụng chứng khoán vay qua hoạt động vay và cho vay chứng khoán của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam. Việc vay và cho vay chứng khoán thực hiện theo quy định tại Điều 40 Thông tư này;

b) Trường hợp đến thời điểm thanh toán theo quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, thành viên lưu ký vẫn không đủ chứng khoán để thanh toán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện tách số lượng chứng khoán thiếu để xác định giao dịch lùi thời hạn thanh toán hoặc loại bỏ thanh toán theo quy định tại Điều 40h, Điều 40i Thông tư này. Giá trị của chứng khoán thiếu được xác định căn cứ vào giá đóng cửa của chứng khoán đó tại ngày giao dịch liền trước ngày thanh toán.

Điều 40h. Lùi thời hạn thanh toán

Việc lùi thời hạn thanh toán đối với các giao dịch thiếu chứng khoán thực hiện theo nguyên tắc sau:

1. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện lùi thời hạn thanh toán đối với số lượng chứng khoán thiếu được xác định tại thời điểm thanh toán, ngoại trừ trường hợp quy định tại các điểm i, l khoản 1 Điều 40i Thông tư này.

2. Thời hạn lùi thanh toán tối đa là 03 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán.

3. Việc thanh toán giao dịch bị lùi thời hạn thanh toán được thực hiện theo phương thức bù trừ chung với các giao dịch có ngày thanh toán kế tiếp.

4. Thành viên lưu ký có giao dịch bị lùi thời hạn thanh toán phải bồi thường cho tổ chức, cá nhân đối ứng liên quan theo mức 5% giá trị giao dịch lùi thanh toán trên 01 ngày lùi thanh toán.

Điều 40i. Loại bỏ thanh toán giao dịch của thành viên lưu ký

1. Ngoại trừ giao dịch chứng khoán đã thực hiện sửa lỗi sau giao dịch, xử lý lỗi giao dịch tự doanh, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam có quyền loại bỏ thanh toán các giao dịch chứng khoán sau:

a) Giao dịch bán chứng khoán không có sẵn trên tài khoản giao dịch chứng khoán của thành viên lưu ký, khách hàng của thành viên lưu ký (trừ trường hợp có hướng dẫn của Bộ Tài chính);

b) Giao dịch bán chứng khoán trước thời gian Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam xác nhận hoàn tất thanh toán giao dịch chứng khoán;

c) Giao dịch của thành viên lưu ký hoặc khách hàng của thành viên lưu ký được thực hiện sau khi Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thông báo cho Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam về việc đình chỉ hoạt động thanh toán giao dịch chứng khoán đối với thành viên lưu ký đó;

d) Giao dịch thực hiện đối với mã chứng khoán chưa được chấp nhận bù trừ, thanh toán trên hệ thống tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

đ) Giao dịch có số hiệu tài khoản không hợp lệ do số đăng ký thành viên lưu ký hoặc ký tự loại tài khoản giao dịch không tồn tại;

e) Giao dịch có các thông tin không hợp lệ gồm: không có mã phiên giao dịch; ngày giao dịch khác ngày hiện tại; không có số hiệu lệnh bên mua hoặc bên bán; giá, khối lượng giao dịch nhỏ hơn hoặc bằng không; không có xác nhận lệnh;

g) Giao dịch có tổ hợp thông tin mã thị trường, mã bảng giao dịch, mã chứng khoán, số xác nhận lệnh trùng với giao dịch đã nhận trước đó;

h) Giao dịch bị loại bỏ thanh toán theo quy định tại các khoản 3, 4 Điều 40d Thông tư này;

i) Giao dịch thiếu chứng khoán, trong đó số chứng khoán thiếu được xác định tại ngày thanh toán là chứng khoán đang trong thời gian tạm ngừng giao dịch để thực hiện chuyển sàn giao dịch hoặc giao dịch thiếu chứng khoán mà ngày thanh toán là ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền dẫn tới thay đổi giá tham chiếu;

k) Giao dịch lùi thời hạn thanh toán nhưng hết thời hạn lùi thanh toán vẫn không đủ chứng khoán để thanh toán;

l) Giao dịch thiếu chứng khoán trong đó chứng khoán thiếu thuộc loại chứng khoán không được vay và cho vay theo quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

m) Giao dịch mua chứng khoán mà Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam không nhận được xác nhận phong tỏa tiền từ ngân hàng thanh toán, ngân hàng lưu ký theo quy định tại các khoản 2, 3 Điều 40d Thông tư này và quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2. Đối với các trường hợp loại bỏ quy định tại các điểm a, b, c, h, i, k, l, m khoản 1 Điều này, thành viên lưu ký có giao dịch bị loại bỏ thanh toán phải bồi thường cho tổ chức, cá nhân có giao dịch đối ứng liên quan theo mức 20% giá trị giao dịch bị loại bỏ thanh toán (ngoại trừ trường hợp ngân hàng lưu ký có giao dịch mua cổ phiếu không yêu cầu có đủ tiền khi đặt lệnh bị loại bỏ thanh toán do công ty chứng khoán nơi nhà đầu tư đặt lệnh không có đủ tiền để phong tỏa, ngân hàng thanh toán không gửi xác nhận phong tỏa theo quy định tại các khoản 4, 6 Điều 40d Thông tư này). Trường hợp là hành vi vi phạm pháp luật, thành viên lưu ký bị xử lý theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.

3. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam có trách nhiệm thông báo cho Sở giao dịch chứng khoán các giao dịch bị loại bỏ thanh toán.

Điều 40k. Thanh toán giao dịch mua cổ phiếu không yêu cầu có đủ tiền khi đặt lệnh của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức

1. Nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức đặt lệnh mua cổ phiếu không yêu cầu có đủ tiền khi đặt lệnh phải có đủ tiền trên tài khoản tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán trước thời điểm thành viên lưu ký phải có đủ tiền trên tài khoản tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của thành viên lưu ký tại ngân hàng thanh toán để thực hiện thanh toán giao dịch chứng khoán. Nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức được đặt lệnh mua cổ phiếu không yêu cầu có đủ tiền khi đặt lệnh đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, ngoại trừ các cổ phiếu mà công ty chứng khoán không được nhận lệnh mua theo quy định tại khoản 9 Điều 16 Thông tư số 121/2020/TT-BTC đã được sửa đổi bổ sung tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 68/2024/TT-BTC.

2. Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài không có đủ tiền trên tài khoản tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán để thanh toán theo quy định tại khoản 1 Điều này:

a) Công ty chứng khoán sử dụng tiền của mình để thanh toán giao dịch mua cổ phiếu thay cho nhà đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài mở tài khoản lưu ký chứng khoán tại công ty chứng khoán;

b) Đối với nhà đầu tư nước ngoài mở tài khoản lưu ký chứng khoán tại ngân hàng lưu ký, ngân hàng lưu ký gửi yêu cầu cho công ty chứng khoán để công ty chứng khoán sử dụng tiền của mình chuyển về tài khoản tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của ngân hàng lưu ký tại ngân hàng thanh toán để thanh toán thay cho nhà đầu tư, đồng thời thông báo cho Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam. Công ty chứng khoán, ngân hàng thanh toán có trách nhiệm thực hiện yêu cầu của ngân hàng lưu ký, đảm bảo hoàn tất trước thời điểm các thành viên lưu ký phải có đủ tiền trên tài khoản tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán tại ngân hàng thanh toán theo quy định tại quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

3. Việc công ty chứng khoán sử dụng tiền của mình (bao gồm cả trường hợp sử dụng tiền vay từ quỹ hỗ trợ thanh toán trong phạm vi đóng góp quỹ của công ty chứng khoán theo quy định tại khoản 1 Điều 40l Thông tư này) để thanh toán thay nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều này không phải là hoạt động cho vay trong giao dịch ký quỹ tại công ty chứng khoán theo quy định của pháp luật chứng khoán.

4. Công ty chứng khoán phải đảm bảo đủ tiền để thanh toán giao dịch chứng khoán theo quy định tại khoản 2 Điều này. Công ty chứng khoán bị xử lý vi phạm theo quy định pháp luật và quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trong trường hợp không đảm bảo thực hiện nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều này.

5. Công ty chứng khoán được phong tỏa, giải tỏa hoặc yêu cầu ngân hàng lưu ký (trường hợp nhà đầu tư mở tài khoản lưu ký tại ngân hàng lưu ký) phong tỏa, giải tỏa số lượng cổ phiếu đã nhận về từ giao dịch mua cổ phiếu thiếu tiền, tương ứng với số tiền mà công ty chứng khoán đã thanh toán thay theo quy định tại khoản 2 Điều này. Việc phong tỏa, giải tỏa chứng khoán trong trường hợp này được thực hiện trên tài khoản của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức thiếu tiền thanh toán giao dịch mua cổ phiếu.

6. Nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức có trách nhiệm xác nhận thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền theo thỏa thuận với công ty chứng khoán trước thời điểm kết thúc phiên giao dịch buổi chiều của ngày công ty chứng khoán thực hiện thanh toán thay theo quy định tại khoản 2 Điều này và phải thanh toán đủ tiền theo thỏa thuận với công ty chứng khoán chậm nhất tại thời điểm kết thúc phiên giao dịch buổi chiều của ngày liền kề sau ngày công ty chứng khoán thực hiện thanh toán thay. Sau khi nhận được đủ số tiền thanh toán theo thỏa thuận, công ty chứng khoán thực hiện giải tỏa hoặc đề nghị ngân hàng lưu ký (trường hợp nhà đầu tư mở tài khoản lưu ký tại ngân hàng lưu ký) giải tỏa số cổ phiếu đã phong tỏa theo quy định tại khoản 5 Điều này. Các khoản lỗ, lãi và chi phí khác phát sinh khi thực hiện giao dịch này được thực hiện theo thỏa thuận giữa công ty chứng khoán và nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức hoặc đại diện theo ủy quyền của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức.

7. Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức không xác nhận hoặc xác nhận không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận với công ty chứng khoán trong thời hạn theo quy định tại khoản 6 Điều này, công ty chứng khoán được đề nghị Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam hoàn tất việc chuyển quyền sở hữu số cổ phiếu được hạch toán trên tài khoản của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức mà công ty chứng khoán đã thanh toán thay về tài khoản tự doanh của công ty chứng khoán theo quy định tại điểm q2 khoản 2 Điều 6 Thông tư này ngay trong ngày công ty chứng khoán đã thanh toán thay.

8. Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức đã xác nhận thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền với công ty chứng khoán nhưng hết thời hạn chuyển tiền theo quy định tại khoản 6 Điều này, nhà đầu tư không thanh toán đủ tiền cho công ty chứng khoán thì công ty chứng khoán được đề nghị Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng

khoán Việt Nam hoàn tất việc chuyển quyền sở hữu số cổ phiếu được hạch toán trên tài khoản của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức mà công ty chứng khoán đã thanh toán thay, quyền phát sinh từ số cổ phiếu này (nếu có) về tài khoản tự doanh của công ty chứng khoán theo quy định tại điểm q2 khoản 2 Điều 6 Thông tư này ngay trong ngày liền kề sau ngày công ty chứng khoán thực hiện thanh toán thay.

9. Công ty chứng khoán được bán cổ phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán đối với số cổ phiếu nhận về trên tài khoản tự doanh theo quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều này. Các khoản lỗ, lãi và chi phí khác phát sinh khi thực hiện giao dịch theo quy định tại khoản này được thực hiện theo thỏa thuận giữa công ty chứng khoán và nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức hoặc đại diện theo ủy quyền của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức.

10. Ngân hàng lưu ký nơi nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức mở tài khoản lưu ký có trách nhiệm thực hiện phong tỏa, giải tỏa cổ phiếu, phối hợp với công ty chứng khoán nơi nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức đặt lệnh giao dịch để hoàn tất việc chuyển quyền sở hữu cổ phiếu theo quy định tại các khoản 5, 6, 7, 8 Điều này.

11. Việc bù trừ, thanh toán giao dịch mua cổ phiếu của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức quy định tại Điều này được thực hiện theo quy định pháp luật và quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Điều 40l. Sử dụng, hoàn trả số tiền sử dụng từ quỹ hỗ trợ thanh toán

1. Sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán

a) Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam chỉ được sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán để hỗ trợ thanh toán khi thành viên lưu ký mất khả năng thanh toán tiền giao dịch chứng khoán, trả lãi tiền gửi, tiền lãi sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán được phân bổ cho thành viên lưu ký và trả phí quản lý tài khoản tiền gửi quỹ hỗ trợ thanh toán cho ngân hàng thanh toán (nếu có);

b) Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam sử dụng khoản đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán của chính thành viên lưu ký để hỗ trợ thanh toán sau khi trừ đi các khoản sử dụng chưa hoàn trả quỹ hỗ trợ thanh toán. Trường hợp không đủ để bù đắp nghĩa vụ thanh toán và ngân hàng thanh toán không cho vay hoặc cho vay một phần số tiền còn thiếu, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam sử dụng khoản đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán của thành viên lưu ký khác để hỗ trợ thanh toán theo quy định tại quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam. Trường hợp số tiền hỗ trợ thanh toán cần sử dụng từ khoản đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán của thành viên lưu ký khác trong một ngày thanh toán lớn hơn 50 tỷ đồng, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam sử dụng khoản

đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán của thành viên lưu ký khác để hỗ trợ thanh toán theo quy định tại quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

c) Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam được phong tỏa số chứng khoán trên tài khoản tự doanh của thành viên lưu ký mất khả năng thanh toán tiền, chứng khoán nhận về từ giao dịch thiếu tiền của nhà đầu tư mất khả năng thanh toán mở tài khoản lưu ký tại thành viên lưu ký đó (nếu có) để làm tài sản bảo đảm cho số tiền đã sử dụng từ khoản đóng góp của thành viên lưu ký khác. Thành viên lưu ký mất khả năng thanh toán tiền phải thông báo cho Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thông tin giao dịch thiếu tiền của nhà đầu tư;

d) Việc phong tỏa, giải tỏa, xử lý tài sản bảo đảm thực hiện theo quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2. Hoàn trả số tiền sử dụng từ quỹ hỗ trợ thanh toán

a) Ngoại trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này, trong thời hạn 01 ngày kể từ ngày Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán để thanh toán thay cho thành viên lưu ký mất khả năng thanh toán tiền, thành viên lưu ký có trách nhiệm hoàn trả số tiền đã sử dụng từ quỹ hỗ trợ thanh toán. Thành viên lưu ký phải trả tiền lãi sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán theo quy định tại quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

b) Thành viên lưu ký bị thiếu tiền thanh toán giao dịch chứng khoán do điều chỉnh thông báo tổng hợp kết quả thanh toán tiền giao dịch chứng khoán phát sinh từ giao dịch bị lùi thời hạn thanh toán của thành viên lưu ký khác tại ngày thanh toán có trách nhiệm hoàn trả số tiền đã sử dụng từ quỹ hỗ trợ thanh toán trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày sử dụng quỹ và không phải chịu tiền lãi sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán. Quá thời hạn nêu trên, thành viên lưu ký phải chịu tiền lãi sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán theo quy định tại quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

c) Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam được đình chỉ hoạt động thanh toán giao dịch chứng khoán, đề nghị Sở giao dịch chứng khoán đình chỉ hoạt động giao dịch của thành viên lưu ký trong trường hợp thành viên lưu ký không hoàn trả tiền sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán đúng thời hạn quy định tại điểm a, điểm b khoản này;

d) Trường hợp thành viên lưu ký mất khả năng thanh toán tiền chỉ hoàn trả được một phần hoặc hoàn trả làm nhiều lần số tiền đã sử dụng từ quỹ hỗ trợ thanh toán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam phân bổ số tiền hoàn trả theo trình tự: trả lãi sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán, hoàn trả số tiền đã sử dụng từ khoản đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán của thành viên lưu ký khác, hoàn trả số tiền đã sử dụng từ khoản đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán của chính thành viên lưu ký mất khả năng thanh toán tiền;

đ) Trường hợp thành viên lưu ký mất khả năng thanh toán tiền không hoàn trả đầy đủ số tiền sử dụng từ khoản đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán đúng thời hạn quy định tại điểm a, điểm b khoản này, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam được thực hiện các biện pháp thu hồi số tiền thành viên lưu ký đã sử dụng, lãi sử dụng và chi phí liên quan theo trình tự sau:

- Yêu cầu ngân hàng thanh toán trích số tiền nhận về từ giao dịch bán chứng khoán trên tài khoản tự doanh của thành viên lưu ký sang tài khoản của quỹ hỗ trợ thanh toán. Ngân hàng thanh toán có trách nhiệm trích, chuyển số tiền này về tài khoản quỹ hỗ trợ thanh toán theo yêu cầu của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

- Chuyển số chứng khoán đã phong tỏa làm tài sản bảo đảm theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này về tài khoản của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam để Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam bán trên hệ thống giao dịch chứng khoán theo lệnh thị trường tại thời điểm đặt lệnh (đối với cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền có bảo đảm, trái phiếu doanh nghiệp), lệnh bán thỏa thuận điện tử toàn thị trường theo mức giá thực hiện gần nhất (đối với công cụ nợ, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ). Số tiền thu được từ việc bán số chứng khoán này không tính vào doanh thu của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

e) Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam mở tài khoản của chính Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam tại công ty chứng khoán đáp ứng tiêu chí theo quy định tại quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, mở tài khoản tiền gửi tại ngân hàng thanh toán để nhận, bán chứng khoán đã phong tỏa làm tài sản bảo đảm và nhận, xử lý số tiền thu được từ việc bán chứng khoán;

g) Chứng khoán tại điểm c khoản 1 Điều này được chuyển sang Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam không được ghi nhận là tài sản thuộc sở hữu của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam. Trong thời gian xử lý

bán chứng khoán trên tài khoản của chính Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam tại công ty chứng khoán, các quyền và lợi ích phát sinh do thực hiện quyền liên quan đến chứng khoán này được phân bổ theo quy định pháp luật. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam được tiếp tục xử lý quyền và lợi ích phát sinh liên quan đến lợi tức, cổ tức bằng tiền đã được phân bổ (nếu có) để thu hồi số tiền sử dụng, tiền lãi sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán (nếu có); các quyền và lợi ích phát sinh còn lại do thực hiện quyền sau khi chuyển về tài khoản của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam được hoàn trả cho thành viên lưu ký mất khả năng thanh toán tiền, nhà đầu tư mất khả năng thanh toán tiền;

h) Số tiền thu được theo quy định tại điểm đ khoản này sau khi bù đắp chi phí phát sinh từ việc hỗ trợ thanh toán cho thành viên lưu ký mất khả năng thanh toán được sử dụng theo trình tự: trả lãi sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán, hoàn trả quỹ hỗ trợ thanh toán số tiền thành viên lưu ký mất khả năng thanh toán tiền còn chưa hoàn trả quỹ, hoàn trả số tiền còn lại cho thành viên lưu ký mất khả năng thanh toán tiền (nếu có);

i) Số chứng khoán còn lại sau khi Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện bán theo quy định tại điểm đ, điểm g khoản này và quyền, lợi ích phát sinh từ số chứng khoán đã chuyển sang Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (nếu có) được chuyển trả cho thành viên lưu ký mất khả năng thanh toán tiền, nhà đầu tư mất khả năng thanh toán tiền sau khi Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam đã thu hồi đủ số tiền quy định tại điểm h khoản này.

3. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam ban hành quy chế hướng dẫn việc quản lý và sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán.

Chương V
CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 41. Báo cáo định kỳ

1. Định kỳ hàng tháng các thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp phải gửi báo cáo hoạt động lưu ký chứng khoán, thành viên bù trừ phải gửi báo cáo hoạt động bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán bằng văn bản hoặc dữ liệu điện tử cho Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam theo nội dung quy định tại quy chế hoạt động nghiệp vụ của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2. Định kỳ hàng năm, ngân hàng thanh toán phải báo cáo bằng văn bản hoặc dữ liệu điện tử cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc đáp ứng đủ điều kiện làm ngân hàng thanh toán theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Định kỳ 06 tháng, thành viên lưu ký và thành viên bù trừ là ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải báo cáo bằng văn bản hoặc dữ liệu điện tử cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc đáp ứng đủ điều kiện đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán và điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo mẫu quy định tại các Phụ lục IV, V ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Định kỳ hàng tháng, hàng quý, hàng năm, ngân hàng thanh toán phải báo cáo bằng văn bản hoặc dữ liệu điện tử cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về hoạt động thanh toán tiền giao dịch chứng khoán của ngân hàng thanh toán theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Thời hạn báo cáo được quy định như sau:

a) Báo cáo tháng gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn 10 ngày đầu của tháng tiếp theo;

b) Báo cáo quý gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn 20 ngày đầu của tháng đầu tiên trong quý tiếp theo;

c) Báo cáo 06 tháng gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn 45 ngày đầu kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm;

d) Báo cáo năm gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn 90 ngày đầu của năm tiếp theo.

6. Thời gian chốt số liệu báo cáo đối với báo cáo định kỳ như sau:

a) Kỳ báo cáo năm là 12 tháng, tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch;

b) Kỳ báo cáo 06 tháng được tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 30 tháng 06 năm dương lịch;

c) Kỳ báo cáo quý là 03 tháng, tính từ đầu ngày 01 tháng đầu quý đến hết ngày cuối cùng của tháng cuối quý;

d) Kỳ báo cáo tháng là 01 tháng, tính từ đầu ngày 01 đến hết ngày cuối cùng của tháng.

Điều 42. Báo cáo bất thường

1. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam phải báo cáo bằng văn bản hoặc dữ liệu điện tử cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn tối đa 24 giờ kể từ khi xảy ra các sự kiện sau đây:

a) Đình chỉ hoạt động lưu ký chứng khoán, đình chỉ hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán của thành viên;

b) Thu hồi Giấy chứng nhận thành viên lưu ký, Giấy chứng nhận thành viên bù trừ; chấm dứt hoạt động lưu ký chứng khoán của chi nhánh công ty chứng khoán, chi nhánh ngân hàng thương mại;

c) Cung cấp thông tin theo chế độ mật cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

d) Hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán bị tê liệt một phần hay toàn bộ.

2. Ngân hàng thanh toán phải báo cáo bằng văn bản hoặc dữ liệu điện tử cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam ngay lập tức khi hoạt động thanh toán tiền giao dịch chứng khoán bị tê liệt một phần hay toàn bộ.

3. Ngân hàng thanh toán, thành viên lưu ký và thành viên bù trừ là ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải báo cáo bằng văn bản hoặc dữ liệu điện tử cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn tối đa 24 giờ kể từ khi không đáp ứng một trong những điều kiện làm ngân hàng thanh toán, điều kiện đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán và điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán.

4. Thành viên bù trừ phải báo cáo bằng văn bản hoặc dữ liệu điện tử cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn tối đa 24 giờ kể từ khi xảy ra các sự kiện sau đây:

a) Vốn điều lệ, vốn chủ sở hữu giảm trên 10% so với vốn điều lệ, vốn chủ sở hữu tại báo cáo tài chính năm hoặc báo cáo tài chính quý gần nhất;

b) Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu vượt quá 5 lần.

Điều 43. Báo cáo theo yêu cầu

1. Ngoài các trường hợp báo cáo định kỳ và bất thường quy định tại Điều 41, Điều 42 Thông tư này, trong những trường hợp cần thiết, nhằm bảo vệ lợi ích chung và lợi ích của nhà đầu tư, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có thể yêu cầu Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp, thành viên bù trừ, ngân hàng thanh toán báo cáo bằng văn

bản hoặc dữ liệu điện tử về hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán.

2. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp, thành viên bù trừ và ngân hàng thanh toán phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước bằng văn bản hoặc dữ liệu điện tử trong thời hạn Ủy ban Chứng khoán Nhà nước yêu cầu kể từ khi nhận được yêu cầu báo cáo theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trong trường hợp cần thiết, để đảm bảo an toàn cho hệ thống thanh toán giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam được yêu cầu thành viên bù trừ, ngân hàng thanh toán báo cáo bằng văn bản hoặc dữ liệu điện tử về hoạt động ký quỹ bù trừ và bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán. Thành viên bù trừ, ngân hàng thanh toán có trách nhiệm báo cáo Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu báo cáo.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH[33]

[33] Điều 5 Thông tư số 68/2020/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 11 năm 2024 quy định như sau:

"*Điều 5. Điều khoản thi hành*

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02 tháng 11 năm 2024.

2. Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán và quản lý, sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán theo quy định tại Điều 35a và khoản 3 Điều 45 Thông tư số 119/2020/TT-BTC cho đến khi hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm được chính thức triển khai thực hiện.

3. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, công ty chứng khoán, thành viên lưu ký và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này"

- Điều 3 Thông tư số 14/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2025 quy định như sau:

"Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2025.

2. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này."

- Điều 3 Thông tư số 18/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 5 năm 2025 quy định như sau:

"Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 5 năm 2025.

Điều 44. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2021.

2. Thông tư số 05/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành trừ quy định tại khoản 3 Điều 45 Thông tư này.

Điều 45. Điều khoản chuyển tiếp

1. Trước khi Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam chính thức hoạt động theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, các hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam thực hiện theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Thông tư này.

2. Chi nhánh công ty chứng khoán, chi nhánh ngân hàng thương mại đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Quyết định chấp thuận hoạt động lưu ký chứng khoán, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận chi nhánh hoạt động lưu ký trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành được tiếp tục hoạt động lưu ký chứng khoán.

---

2. Thông tư này thay thế một số quy định tại Điều 9a Thông tư số 120/2020/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 68/2024/TT-BTC như sau:

a) Khoản 2, khoản 5 Điều 9a Thông tư số 120/2020/TT-BTC được thay thế bởi khoản 2 Điều 40k Thông tư số 119/2020/TT-BTC được bổ sung tại khoản 10 Điều 1 Thông tư này;

b) Khoản 3, khoản 4 Điều 9a Thông tư số 120/2020/TT-BTC được thay thế bởi các khoản 7, 8, 9 Điều 40k Thông tư số 119/2020/TT-BTC được bổ sung tại khoản 10 Điều 1 Thông tư này.

3. Bãi bỏ một số quy định tại Thông tư số 68/2024/TT-BTC như sau:

a) Bãi bỏ các khoản 2, 3, 4 Điều 4, Điều 2 Thông tư số 68/2024/TT-BTC;

b) Bãi bỏ khoản 2 Điều 5 Thông tư số 68/2024/TT-BTC đối với các quy định về bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán và quy định về sử dụng, hoàn trả số tiền sử dụng từ quỹ hỗ trợ thanh toán đã được thay thế tại Điều 40l Thông tư số 119/2020/TT-BTC được bổ sung tại khoản 10 Điều 1 Thông tư này. Các nội dung khác về quản lý, sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán chưa được quy định tại Điều 40l Thông tư này tiếp tục thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 68/2024/TT-BTC cho đến khi chính thức triển khai cơ chế đối tác bù trừ trung tâm.

4. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo các văn bản quy phạm pháp luật mới.

5. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, thành viên lưu ký, ngân hàng thanh toán, tổ chức mở tài khoản trực tiếp và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này."

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thu hồi Quyết định chấp thuận hoạt động lưu ký chứng khoán cho chi nhánh công ty chứng khoán, chi nhánh ngân hàng thương mại sau khi Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam chấm dứt hoạt động lưu ký chứng khoán của chi nhánh công ty chứng khoán, chi nhánh ngân hàng thương mại theo quy định tại Điều 12 Thông tư này.

3. Trước thời điểm chính thức triển khai hoạt động bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam được tiếp tục thực hiện bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán và quản lý, sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán theo quy định tại Thông tư 05/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán.

Điều 46. Tổ chức thực hiện

1. Trên cơ sở quy định tại Thông tư này, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam ban hành các quy chế hoạt động nghiệp vụ, quy chế thành viên sau khi được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung./.

BỘ TÀI CHÍNH

Số: 45/VBHN-BTC

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2025

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Đức Chi

Phụ lục I

(Ban hành kèm theo Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán.

Đề nghị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận hoạt động lưu ký chứng khoán cho:

1. Tên đầy đủ và chính thức của ngân hàng thương mại/công ty chứng khoán/ chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

2. Tên giao dịch của ngân hàng thương mại/ công ty chứng khoán/chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

3. Địa chỉ chính thức trụ sở chính của ngân hàng thương mại/ công ty chứng khoán/ chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

4. Số điện thoại, fax;

5. Người đại diện theo pháp luật (họ tên, chức danh):

6. Vốn điều lệ:

7. Ngày dự kiến triển khai hoạt động lưu ký chứng khoán.

....., ngày... tháng... năm.....
ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THUYẾT MINH CƠ SỞ VẬT CHẤT KỸ THUẬT BẢO ĐẢM THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN

Chúng tôi là .....

Địa chỉ:.....

Chúng tôi kính gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thuyết minh cơ sở vật chất kỹ thuật bảo đảm thực hiện hoạt động lưu ký chứng khoán như sau:

1. Hệ thống máy vi tính, thiết bị phục vụ cho hoạt động lưu ký chứng khoán:

- Số lượng máy vi tính;

- Dự kiến phương pháp lưu giữ và xử lý thông tin về khách hàng; phương án lưu giữ chứng khoán lưu ký của khách hàng;

- Phương pháp cung cấp thông tin cho khách hàng, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và các cơ quan liên quan khác (thông qua hệ thống máy tính, điện thoại, telex, fax...);

- Nêu rõ tính năng, tác dụng, tình trạng, cấp độ công nghệ của trang thiết bị sử dụng và việc bố trí hệ thống máy tính này tại ngân hàng thương mại (chi nhánh ngân hàng thương mại)/công ty chứng khoán (chi nhánh công ty chứng khoán)/chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

2. Bảo đảm an toàn hoạt động lưu ký chứng khoán:

- Các biện pháp đảm bảo an toàn (chống cháy, nổ, đột nhập...);

- Đội ngũ cán bộ phụ trách hoạt động lưu ký chứng khoán.

- Thuyết minh hệ thống dự phòng nhằm đảm bảo tính thông suốt cho hoạt động lưu ký chứng khoán.

....., ngày… tháng… năm.....
ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục III

(Ban hành kèm theo Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN NGÂN HÀNG THANH TOÁN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BÁO CÁO

Về việc đáp ứng đủ điều kiện làm ngân hàng thanh toán năm....

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Ngân hàng …… được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép làm ngân hàng hàng thanh toán theo Quyết định số …

Ngân hàng… kính gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước báo cáo về việc đáp ứng đủ điều kiện làm ngân hàng thanh toán năm … như sau:

STT	Điều kiện làm ngân hàng thanh toán	Mô tả chi tiết	Đáp ứng (x)
1	Có Giấy phép thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.		
2	Có vốn điều lệ trên 10.000 tỷ đồng.		
3	Hoạt động kinh doanh có lãi trong 02 năm gần nhất.		
4	Đáp ứng tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định pháp luật về ngân hàng.		
5	Có hệ thống cơ sở vật chất, kỹ thuật bảo đảm thực hiện thanh toán giao dịch và kết nối với hệ thống của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.		
6	Có hệ thống thanh toán, bù trừ kết nối với hệ thống thanh toán, bù trừ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.		

STT	Điều kiện làm ngân hàng thanh toán	Mô tả chi tiết	Đáp ứng (x)
7	Có hệ thống cơ sở vật chất, kỹ thuật để lưu giữ số liệu thông tin thanh toán giao dịch trong thời hạn ít nhất 10 năm và cung cấp được cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trong thời hạn 48 giờ khi có yêu cầu.		

(*) Ngân hàng thanh toán ghi rõ về việc có hoặc không đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định và gửi tài liệu chứng minh việc đáp ứng các điều kiện. Trường hợp không đáp ứng điều kiện, đề nghị Ngân hàng thanh toán nêu rõ lý do.

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO

....., ngày... tháng ... năm.....
ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục IV

(Ban hành kèm theo Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI/CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BÁO CÁO

Về việc đáp ứng đủ điều kiện đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán

(Từ ngày.../.../..... đến ngày.../.../.....)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Ngân hàng thương mại/ Chi nhánh ngân hàng nước ngoài… được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số …

Ngân hàng thương mại/ Chi nhánh ngân hàng nước ngoài … kính gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước báo cáo về việc đáp ứng đủ điều kiện đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán như sau:

STT	Điều kiện đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán	Mô tả chi tiết	Đáp ứng (x)
1	Có Giấy phép thành lập và hoạt động tại Việt Nam, trong đó có hoạt động lưu ký chứng khoán.		
2	Đáp ứng tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định của pháp luật về ngân hàng, hoạt động kinh doanh có lãi trong năm gần nhất		
3	Đáp ứng điều kiện về cơ sở vật chất, kỹ thuật bảo đảm thực hiện hoạt động lưu ký chứng khoán.		

(*) Ngân hàng thương mại/ Chi nhánh ngân hàng nước ngoài ghi rõ về việc có hoặc không đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định và gửi tài liệu chứng minh việc đáp ứng các điều kiện. Trường hợp không đáp ứng điều kiện, đề nghị Ngân hàng thương mại/ Chi nhánh ngân hàng nước ngoài nêu rõ lý do.

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO	*....., ngày… tháng … năm.....* **ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT** *(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

Phụ lục V

(Ban hành kèm theo Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI/CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BÁO CÁO

Về việc đáp ứng đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán

(Từ ngày.../.../..... đến ngày.../.../.....)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Ngân hàng thương mại/ Chi nhánh ngân hàng nước ngoài… được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán số … Chúng tôi là thành viên bù trừ … *(ghi rõ loại thành viên bù trừ)*

Ngân hàng thương mại/ Chi nhánh ngân hàng nước ngoài … kính gửi Ủy ban chứng khoán Nhà nước báo cáo về việc đáp ứng đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán như sau:

STT	Điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán	Mô tả chi tiết	Đáp ứng (x)
1	Được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán; Đáp ứng quy định về cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo quy định pháp luật về các tổ chức tín dụng.		
2	Đáp ứng các điều kiện về vốn điều lệ, vốn chủ sở hữu như sau: - Đối với thành viên bù trừ trực tiếp: Có vốn điều lệ, vốn chủ sở hữu tối thiểu 1.000 tỷ đồng		

STT	Điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán	Mô tả chi tiết	Đáp ứng (x)
	- Đối với thành viên bù trừ chung: Có vốn điều lệ, vốn chủ sở hữu tối thiểu 7.000 tỷ đồng		
3	Đáp ứng tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định pháp luật về tổ chức tín dụng trong vòng 06 tháng gần nhất.		
4	Được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu thông qua việc thực hiện hoạt động cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán		
5	Không đang trong quá trình tổ chức lại, giải thể, phá sản hoặc tình trạng kiểm soát, kiểm soát đặc biệt, đình chỉ hoạt động, tạm ngừng hoạt động theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.		

(*) Ngân hàng thương mại/ Chi nhánh ngân hàng nước ngoài ghi rõ về việc có hoặc không đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định và gửi tài liệu chứng minh việc đáp ứng các điều kiện. Trường hợp không đáp ứng điều kiện, đề nghị Ngân hàng thương mại/ Chi nhánh ngân hàng nước ngoài nêu rõ lý do.

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO

....., ngày... tháng ... năm.....
ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục VI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN NGÂN HÀNG THANH TOÁN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO

Hoạt động thanh toán tiền cho các giao dịch chứng khoán

(Từ ngày.../.../..... đến ngày.../.../.....)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Ngân hàng… được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép làm ngân hàng hàng thanh toán theo Quyết định số …

Ngân hàng… kính gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước báo cáo hoạt động thanh toán tiền cho các giao dịch chứng khoán như sau:

1. Các chỉ tiêu

Chỉ tiêu	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Tăng/Giảm (%)
Tiền gửi ký quỹ của các thành viên tham gia thị trường			
Tiền gửi ký quỹ cho hoạt động tự doanh			
Tiền gửi ký quỹ cho hoạt động môi giới trong nước			
Tiền gửi ký quỹ cho hoạt động môi giới nước ngoài			
Tổng			
Tiền gửi thanh toán của các thành viên tham gia thị trường			
Tiền gửi thanh toán cho hoạt động tự doanh			
Tiền gửi thanh toán cho hoạt động môi giới trong nước			

Chỉ tiêu	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Tăng/Giảm (%)
Tiền gửi thanh toán cho hoạt động môi giới nước ngoài			
Tổng			
Số lượng thành viên tham gia thanh toán tiền qua ngân hàng thanh toán			
Công ty chứng khoán			
Ngân hàng thương mại			
Chi nhánh ngân hàng nước ngoài			
Tổng			

2. Tồn tại, kiến nghị:

…

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO

....., ngày… tháng … năm.....
ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417
- Phát hành:	080.44243
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website	http://congbao.chinhphu.vn